

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103041974 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 0104246382 ngày 24 tháng 11 năm 2014)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số :/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày/..../2015)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC

Trụ sở chính : Nhà 905, CT1-2 Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại : (84.4)37877290 Fax : (84.4) 37877291
Website : www.hakinvest.com.vn Email: hakinvest@hakinvest.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIMEBANK

Trụ sở chính : Tầng 1&3, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 3776 5929 Fax : (84.4) 3776 5928
Website : www.msbs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Dương Quang Lữ Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Điện thoại : (84.4)37877290 Fax : (84.4) 37877291

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103041974 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 0104246382 ngày 24 tháng 11 năm 2014)

Địa chỉ: Nhà 905, CT1-2 Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 3787 7290, Fax: (84.4) 3787 7291

Website: www.hakinvest.com.vn, email: hakinvest@hakinvest.com.vn

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	:	HKB
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	:	20.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)	:	200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT

Địa chỉ	:	Phòng 1501, Nhà 17T5, Khu Đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính - đường Hoàng Đạo Thúy, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại	:	(84.4) 2221 0082 Fax: (84.4) 2221 0084
Website	:	www.aat.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIMEBANK

Địa chỉ trụ sở chính	:	Tầng 1&3 Tòa nhà SkyCity, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại	:	(84.4) 3776 5929 Fax: (84.4) 3776 5928
Website	:	www.msbs.com.vn
Chi nhánh Hà Nội	:	Tầng 9, 115 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh	:	Tầng 2, Maritime Bank Tower, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh



MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1.	RỦI RO VỀ KINH TẾ.....	7
2.	RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP	8
3.	RỦI RO ĐẶC THÙ CỦA NGÀNH.....	8
4.	RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ CHỨNG KHOÁN	10
5.	RỦI RO KHÁC	10
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	11
1.	TỔ CHỨC NIÊM YẾT	11
2.	TỔ CHỨC TƯ VẤN	11
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	12
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	14
1.	TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	14
2.	CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY.....	21
3.	CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY.....	22
4.	DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY; DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỈ LỆ NẪM GIỮ; CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	26
5.	DANH SÁCH CÔNG TY MẸ, CÁC CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC NIÊM YẾT ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC NIÊM YẾT	28
6.	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	29
7.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY.....	46
8.	VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH	49
9.	CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	53
10.	CHÍNH SÁCH CỔ TỨC.....	55
11.	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	56
12.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	62
13.	TÀI SẢN.....	73
14.	KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NĂM 2015	74
15.	ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	76
16.	THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	77
17.	CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	77
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	78
1.	LOẠI CHỨNG KHOÁN : Cổ phiếu phổ thông.....	78
2.	MỆNH GIÁ : 10.000 đồng/cổ phần.....	78
3.	MÃ CHỨNG KHOÁN : HKB	78
4.	TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	78

5.	<i>SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HOẶC CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....</i>	78
6.	<i>PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ.....</i>	79
7.	<i>GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẪM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI.....</i>	81
8.	<i>CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN.....</i>	81
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT.....	82
VII.	PHỤ LỤC.....	83

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1:	Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty	17
Bảng 2:	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của HKB tại 11/2/2015	26
Bảng 3:	Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 11/2/2015	26
Bảng 4:	Cơ cấu cổ đông tại ngày 11/2/2015	27
Bảng 5:	Cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm	32
Bảng 6:	Cơ cấu doanh thu thuần theo thị trường.....	33
Bảng 7:	Cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm	33
Bảng 8:	Sản lượng tiêu theo vùng tại Việt Nam năm 2011 -2014.....	35
Bảng 9:	Danh sách các nhà cung cấp lớn của Công ty.....	36
Bảng 10:	Cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm.....	37
Bảng 11:	Năng lực chế biến nông sản	38
Bảng 12:	Các tiêu chuẩn trong ASTA.....	39
Bảng 13:	Một số đối tác chính của Công ty	43
Bảng 14:	Các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện.....	45
Bảng 15:	Bảng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty	46
Bảng 16:	Các nước xuất khẩu Hồ Tiêu nhiều nhất thế giới (tấn).....	51
Bảng 17:	Giá Hồ tiêu Việt Nam xuất khẩu đi thế giới (US\$/tấn)	51
Bảng 18:	Cơ cấu lao động của Công ty tại 31/12/2014.....	53
Bảng 19:	Tình hình cổ tức từ năm 2012 – 2014.....	55
Bảng 20:	Bảng tổng hợp nộp ngân sách Nhà nước giai đoạn 2013 – 2014.....	57
Bảng 21:	Số dư các Quỹ của Công ty	57
Bảng 22:	Tình hình tổng dư nợ vay.....	58
Bảng 23:	Hàng tồn kho.....	59
Bảng 24:	Các khoản phải thu	59
Bảng 25:	Các khoản phải trả	59
Bảng 26:	Các khoản đầu tư tài chính.....	60
Bảng 27:	Chỉ tiêu tài chính.....	60
Bảng 28:	Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	62
Bảng 29:	Danh sách thành viên Ban Kiểm soát.....	62
Bảng 30:	Danh sách Ban Tổng Giám đốc.....	62

Bảng 31: Tình hình tài sản cố định chính của Công ty	73
Bảng 32: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.....	73
Bảng 33: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2015	74
Bảng 34: Phương án sản xuất kinh doanh năm 2015 cho các sản phẩm	74
Bảng 35: Danh sách và lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	78
Bảng 36: Giá trị sổ sách của Công ty	79
Bảng 37: Các loại thuế phải nộp	81

DANH MỤC HÌNH MINH HỌA

Hình 1: Tỷ lệ CPI bình quân ở Việt Nam giai đoạn từ 2006 đến 2014	7
Hình 2: Tình hình biến động giá một số sản phẩm nông sản tại Việt Nam.....	9
Hình 3: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty	22
Hình 4: Diện tích (ha), năng suất (tấn/ha) và sản lượng (tấn) Hồ tiêu tại Gia Lai.....	36
Hình 5: Dây chuyền chế biến tiêu theo tiêu chuẩn ASTA.....	40
Hình 6: Các bước kiểm tra chất lượng sản phẩm.....	42

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), lãi suất ngân hàng, tình hình lạm phát, tỷ giá ... đều có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc.

1.1 Tốc độ tăng trưởng GDP

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng không nhỏ từ khủng hoảng kinh tế toàn cầu với xuất phát điểm là khủng hoảng nhà đất tại Mỹ năm 2007 - 2008 và sự suy thoái của khu vực đồng tiền chung châu Âu từ năm 2010. Sự ảnh hưởng của những cuộc suy thoái lớn đó dẫn đến nền kinh tế Việt Nam không duy trì được tốc độ nhanh như giai đoạn trước, hàng chục nghìn doanh nghiệp phá sản, lạm phát tăng cao... Chính phủ Việt Nam đã thực hiện các biện pháp bình ổn kinh tế vĩ mô thông qua kiểm chế lạm phát, ổn định thị trường ngoại hối, tín dụng, v.v. Nhờ đó, nền kinh tế Việt Nam đã vượt qua khủng hoảng, ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP từ năm 2012 đến 2014 tăng khá ổn định lần lượt ở mức 5,25%, 5,42% và 5,98% .

Theo dự báo của Ủy Ban Giám sát tài chính Quốc Gia, kinh tế Việt Nam năm 2015 đứng trước nhiều cơ hội để tiếp đà phục hồi với dự đoán tăng trưởng GDP vào khoảng 6,2%, nhờ tiêu dùng phục hồi; tỷ lệ lạm phát thấp trong năm 2014 và lạm phát năm 2015 dự kiến khả quan; đầu tư tư nhân cải thiện do môi trường kinh tế vĩ mô cùng với những cải cách thể chế sẽ tạo dựng niềm tin của doanh nghiệp và triển vọng TPP được kí kết trong năm 2015.

Nền kinh tế chung tăng trưởng ổn định sẽ thúc đẩy, tạo điều kiện để các ngành nghề phát triển, trong đó có các ngành liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty như năng lượng sạch, cụ thể là xăng ethanol với nguyên liệu chính là sắn; ngành du lịch và ăn uống và thức ăn chăn nuôi, v.v. Đây sẽ là yếu tố thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của HKB.

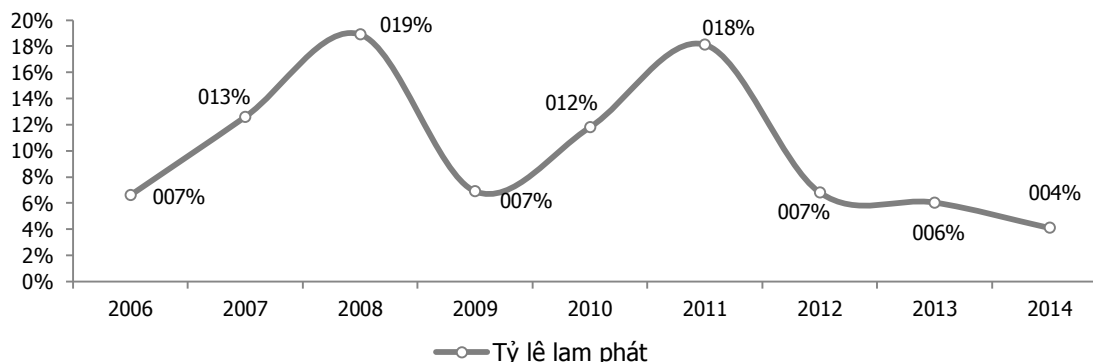
1.2 Lạm phát

Lạm phát là một trong những nhân tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Chỉ số lạm phát tăng quá cao sẽ làm gia tăng gánh nặng chi phí giá vốn cũng như chi phí quản lý, làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp và ngược lại.

Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kìm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2013 và 2014. Theo báo cáo này, năm 2013 và năm 2014 chỉ số CPI bình quân chỉ còn tăng lần lượt là 6,04% và 4,09% so với năm 2012 và năm 2013. Đây là mức thấp nhất trong 10 năm qua của Việt Nam.

Với việc lạm phát được kiểm soát, giá cả nguyên vật liệu đầu vào của Công ty như sắn lát, hồ tiêu, ngô, v.v sẽ được bình ổn, từ đó giúp Công ty tránh được rủi ro biến động giá cả nguyên vật liệu.

Hình 1: Tỷ lệ CPI bình quân ở Việt Nam giai đoạn từ 2006 đến 2014



Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam

1.3 Lãi suất

Hiện nay, lãi suất cho vay của các ngân hàng đang trong xu hướng giảm bởi lãi suất huy động VND đang tiếp tục giảm nhẹ. Nếu so với thời điểm cuối năm 2012, lãi suất huy động trên thị trường đã giảm khoảng 3-4%/năm. Lãi suất huy động đã giảm xuống còn 4-6%/năm và 6-8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 12 tháng và trên 12 tháng. Với mức lãi suất huy động như trên, lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại chỉ còn ở mức 6-9%/năm cho lĩnh vực ưu tiên và ở mức 9-11%/năm đối với vay ngắn hạn và 11,5-12,5% đối với vay trung/dài hạn cho lĩnh vực khác.

Tại thời điểm 31/12/2014, dư nợ vay ngắn hạn của Hakinvest là 63.139.199.940 VND 9.768.011.917 VND dư nợ vay dài hạn với lãi suất biến động theo lãi suất thị trường. Nếu mặt bằng lãi suất tiếp tục giảm như hiện nay, lợi nhuận của HKB kỳ vọng sẽ gia tăng nhờ vào việc chi phí lãi vay giảm.

1.4 Tỷ giá

Hoạt động xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động của Công ty nên Công ty phát sinh nhiều giao dịch ngoại tệ (chủ yếu là đô la Mỹ). Tuy nhiên, Công ty ít gặp rủi ro tỷ giá do phần lớn các hợp đồng xuất khẩu chỉ cố định khối lượng cho toàn bộ thời hạn hợp đồng, trong khi giá bán sẽ được các bên xác định theo giá thị trường tại thời điểm giao hàng

2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Rủi ro luật pháp phát sinh khi Công ty không cập nhật và áp dụng kịp thời các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai các hoạt động của Công ty.

Là công ty hoạt động trong lĩnh vực nông sản và xuất khẩu, Hakinvest chịu tác động các quy định pháp luật liên quan đến xuất nhập khẩu, thuế quan... của Việt Nam cũng như của các quốc gia bạn hàng. Việc các văn bản pháp luật được điều chỉnh/sửa đổi/bổ sung không hợp lý hoặc Công ty không cập nhật được sự biến động của luật pháp sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của Công ty.

Để hạn chế tối đa những rủi ro về pháp luật, Công ty luôn chủ động theo dõi, nghiên cứu và cập nhật thường xuyên các văn bản pháp luật liên quan tới hoạt động của Công ty. Với các vấn đề có ảnh hưởng lớn tới hoạt động, Công ty tiến hành tham khảo ý kiến các đơn vị tư vấn để có giải pháp tối ưu.

Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

3. RỦI RO ĐẶC THÙ CỦA NGÀNH

Là doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, hoạt động của Hakinvest chịu rủi ro đặc thù ngành đó là (i) rủi ro biến động giá nguyên liệu, (ii) rủi ro về vùng nguyên liệu, (iii) rủi ro thị trường đầu ra.

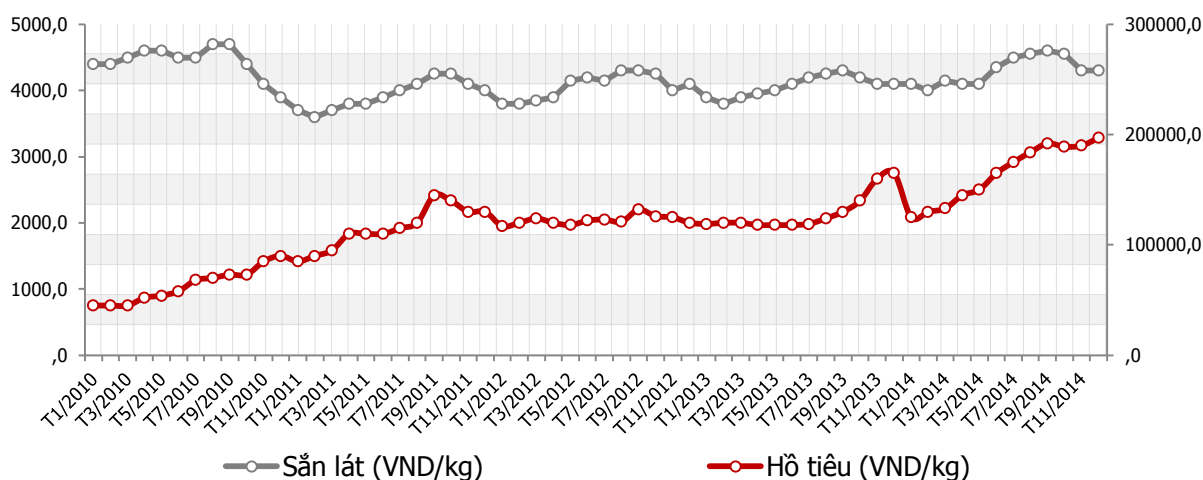
3.1 Rủi ro biến động giá nguyên liệu

Nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản phẩm, do đó, biến động giá nguyên liệu đầu vào sẽ tác động rất lớn đến lợi nhuận của Công ty. Trong các mặt hàng kinh doanh của Hakinvest, hồ tiêu là mặt hàng có sự biến động giá cả lớn nhất do mỗi năm chỉ có một vụ thu hoạch. Đây là rủi ro nhưng cũng là lợi thế của doanh nghiệp bởi hồ tiêu thường có tỷ suất lợi nhuận biên cao nhờ vào sự biến động giá mạnh trong vụ thu hoạch và ngoài vụ thu hoạch. Việc nắm bắt được xu hướng biến động giá cả mặt hàng này sẽ nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Việt Nam là một trong những quốc gia xuất khẩu nông sản hàng đầu trên thế giới. Đặc biệt, mặt hàng hồ tiêu của Việt Nam chiếm gần 40% về sản lượng và 50% về khối lượng xuất khẩu trên toàn thế giới. Với vai trò hàng đầu trên bản đồ hồ tiêu thế giới, Việt Nam có vai trò lớn trong việc kiểm soát giá cả của mặt hàng này. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Hakinvest chủ động hơn trước sự biến động giá cả hồ tiêu trên thế giới.

Các mặt hàng kinh doanh khác của Hakinvest như gạo, ngô, sản biến động giá cả ít hơn so với mặt hàng hồ tiêu do nguồn cung trong nước rất lớn và số vụ trong năm nhiều. Tuy nhiên nhằm giảm thiểu ảnh hưởng từ việc tăng giá thành đầu vào, Công ty vẫn luôn cẩn trọng và phân tích, dự báo giá nông sản trong nước và thế giới; cũng như luôn chuẩn bị sẵn nguồn vốn lưu động và năng lực kho để đảm bảo đủ năng lực thu mua sản phẩm khi lượng cung đạt cao nhất trong vụ.

Hình 2: Tình hình biến động giá một số sản phẩm nông sản tại Việt Nam



Nguồn: AgriViet

3.2 Rủi ro về vùng nguyên liệu

Sản xuất nông nghiệp Việt Nam hiện nay còn manh mún, tự phát, chưa mang tính quy hoạch, chưa hình thành chuỗi liên kết giữa nhà khoa học – người nông dân – doanh nghiệp dẫn tới hiện tượng cạnh tranh thiếu lành mạnh trong thu mua nông sản, không chỉ giữa các doanh nghiệp Việt Nam mà còn giữa các doanh nghiệp với các thương lái Trung Quốc. Sự liên kết thiếu chặt chẽ giữa người nông dân và doanh nghiệp khiến doanh nghiệp đứng trước rủi ro thiếu hụt nguồn nguyên liệu đầu vào, ảnh hưởng tới công suất sản xuất và chi phí.

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nguyên liệu, Hakinvest đã lựa chọn đặt nhà máy và hệ thống kho tại những địa điểm gần vùng nguyên liệu, cụ thể là (i) nhà máy Gia Lai, nơi có sản lượng lớn nhất và chất lượng hồ tiêu tốt nhất cả nước, phục vụ cho việc thu mua và chế biến hồ tiêu; (ii) nhà máy tại Quy Nhơn, Bình Định để thu mua và chế biến sắn, gạo, ngô từ khu vực Nam Trung Bộ; và đặc biệt rất thuận tiện cho việc xuất khẩu từ cảng Quy Nhơn.

Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng được quan hệ thương mại tốt với nhiều đại lý thu mua trên địa bàn; với khách hàng trong nước và quốc tế; cũng như luôn mở rộng năng lực kho bãi để đảm bảo nắm bắt được cơ hội thị trường khi giá thu mua nông sản giảm.

Từ năm 2015, Công ty bắt đầu tiến hành trồng hồ tiêu tại Chư Sê, Chư Pưh và sau đó là Đaknong (Gia Lai). Dự kiến năm 2018 sẽ là năm đầu tiên Công ty thu hoạch hồ tiêu từ 1,8 ha đất của Công ty và 10 ha đất đã được Hiệp hội Tiêu huyện Chư Sê giao. Khi đó Công ty sẽ hạn chế được rất nhiều rủi ro đầu vào đối với sản phẩm hồ tiêu, một trong các sản phẩm nông sản có tỷ suất lợi nhuận biên cao nhất trong những năm gần đây.

3.3 Rủi ro về thị trường đầu ra

Trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là xuất khẩu nông sản còn phải đối mặt với rủi ro về thị trường đầu ra. Sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam mặc dù không ngừng gia tăng về kim ngạch và thị phần nhưng chủ yếu vẫn dưới dạng sản phẩm thô, chưa qua chế biến sâu, giá trị gia tăng chưa cao và giá cả biến động phụ thuộc vào nhu cầu của các thị trường. Mặt khác, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng trở nên gay gắt, nhất là trong bối cảnh hiện nay, nhiều doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác có tiềm lực về vốn đã đánh giá được tiềm năng của lĩnh vực nông nghiệp và bắt đầu gia nhập ngành.

Sản phẩm chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Hakinvest là sắn và hồ tiêu. Trong những năm qua, Trung Quốc luôn là thị trường xuất khẩu chiến lược của các doanh nghiệp nông sản Việt Nam nói chung, và của Hakinvest nói riêng. Đối với hồ tiêu, ngoài thị trường Trung Quốc hiện có, Công ty đã từ lắp đặt dây chuyền ASTA để đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật của thị trường Trung Đông và Ấn Độ, và tương lai 2015-2016 là dây chuyền ASTA+ để thâm nhập thị trường Mỹ và Châu Âu. Với dây chuyền này, giá bán hồ tiêu sẽ tăng hơn so với giá xuất sang Trung Quốc khoảng 20 đô la Mỹ/kg. Đối với sắn lát, trong năm 2014, các đơn hàng xuất khẩu sắn của Công ty sang Trung Quốc vẫn đúng tiến độ do cầu sắn của thị trường ethanol của Trung Quốc cao. Hơn nữa, việc nguồn cung sắn khan hiếm vào cuối vụ đã giúp giá sắn được đẩy lên cao hơn so với đầu vụ, đem lại lợi nhuận biên cao hơn cho Công ty. Giá chào phổ biến vào cuối tháng 10/2014 được đẩy lên mức 252 đô la Mỹ/tấn cho hàng đóng container giao cảng Sài Gòn và 247 đô la Mỹ/tấn cho hàng tàu giao tại cảng Quy Nhơn. Mức giá này so với đầu vụ tăng khoảng 20 đô la Mỹ/tấn. Tuy vậy, để hạn chế rủi ro này, ngoài việc Công ty sẽ tiếp tục duy trì xuất khẩu sang Trung Quốc thì Công ty cũng đang dần chuyển hướng sang việc bán cho các nhà máy sản xuất cồn trong nước và xuất khẩu sang các quốc gia khác nhằm mở rộng thị trường đầu ra và xây dựng hình ảnh của Công ty trên thị trường thế giới.

4. RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ CHỨNG KHOÁN

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết, giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn từ biến động chung của thị trường chứng khoán, biến động trên các thị trường nông sản, những thay đổi trong chính sách điều hành của các cơ quan quản lý có liên quan như Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch... Do vậy, cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có khả năng biến động lớn, từ đó có thể ảnh hưởng đến các kế hoạch huy động vốn và làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác nằm ngoài khả năng dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Tuy nhiên các rủi ro này rất hiếm khi xảy ra.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC (HKB)

Ông	: DƯƠNG QUANG LƯ	Chức vụ	: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám đốc
Bà	: HOÀNG THỊ MINH HẠNH	Chức vụ	: Kế toán trưởng
Bà	: NGUYỄN THỊ DUNG	Chức vụ	: Trưởng Ban Kiểm Soát

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc lập. Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý và việc phân tích, đánh giá, lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thể hiện một cách hợp lý và cẩn trọng.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIMEBANK (MSBS)

Ông	: MẠC QUANG HUY	Chức vụ	: Tổng Giám đốc
-----	-----------------	---------	-----------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do CTCP Chứng khoán Maritime Bank tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 18/2015/IB.HN/MSBS-HANKINVEST ký ngày 21/01/2015 với CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do với CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Khái niệm

1. "**Công ty**": CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc được thành lập vào ngày 09/11/2009. Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103041974 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2009 và thay đổi lần 11 ngày 24 tháng 11 năm 2014.
2. "**Bản cáo bạch**": Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
3. "**Cổ phần**": Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
4. "**Cổ phiếu**": Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.
5. "**Cổ đông**": Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
6. "**Cổ tức**": Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.
7. "**Đại hội đồng cổ đông**": Đại hội đồng cổ đông của CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc.
8. "**Hội đồng quản trị**": Hội đồng quản trị của CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội .
9. "**Ban kiểm soát**": Ban kiểm soát của CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc.
10. "**Ban Tổng Giám đốc**": Ban Tổng Giám đốc của CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc.
11. "**Vốn điều lệ**": Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.
12. "**Tổ chức niêm yết**": CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc
13. "**Tổ chức kiểm toán**": Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán & Tư vấn Thuế AAT

Từ viết tắt

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:


- | | |
|------------------|--|
| 1. HAKINVEST/HKB | CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc |
| 2. ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc |
| 3. HĐQT | Hội đồng quản trị CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc |
| 4. BKS | Ban kiểm soát CTCP Nông nghiệp và thực phẩm Hà nội – Kinh Bắc |
| 5. TGD | Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc |
| 6. BGD | Ban Giám đốc CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc |

7. CBCNV	Cán bộ công nhân viên CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc
8. TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
9. TSCĐ	Tài sản cố định
10. TSLĐ	Tài sản lưu động
11. VSCH	Vốn chủ sở hữu
12. Giấy CNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
13. Số CMND	Số chứng minh nhân dân
14. UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
15. HNX	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
16. BCTC	Báo cáo tài chính
17. CTCP	Công ty cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên doanh nghiệp	:	CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC
Tên tiếng Anh	:	HANOI – KINHBAC AGRIFOOD
Tên viết tắt	:	Hanoi – KinhBac Agrifood., JSC
Trụ sở chính	:	Nhà 905, CT1-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại	:	(84.4) 37877290 Fax: (84.4) 37877291
Chi nhánh	:	CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC – CHI NHÁNH GIA LAI
Địa chỉ chi nhánh	:	Làng Rìng 2 , Xã H Bông, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
Logo	:	
Web	:	www.hakinvest.com.vn
Email	:	hakinvest@hakinvest.com.vn
Vốn điều lệ đăng ký	:	240.000.000.000 VND (Hai trăm bốn mươi tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp	:	200.000.000.000 VND (Hai trăm tỷ đồng)
Ngày trở thành công ty đại chúng	:	13/2/2015
Giấy Đăng ký kinh doanh	:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103041974 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 0104246382 ngày 24 tháng 11 năm 2014

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- ❖ Chế biến và kinh doanh sản phẩm, hồ tiêu phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước;
- ❖ Chế biến và kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi: Ngô, sắn, cám gạo, đậu tương;
- ❖ Chế biến lúa gạo xuất khẩu và tiêu dùng nội địa.

1.2 Quá trình hình thành phát triển

CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà nội Kinh Bắc tiền thân là CTCP Thương mại và Đầu tư Hà Nội – Kinh Bắc được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 09/11/2009 với vốn điều lệ là 1,8 tỷ đồng.

Với mục tiêu đưa công ty phát triển thành một doanh nghiệp có tầm cỡ trong lĩnh vực Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm của Việt Nam, Ban Lãnh đạo Công ty đã định hướng lựa chọn lĩnh vực Nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm dựa trên 4 tiêu chí chủ đạo trong hoạt động kinh doanh của công ty như sau:

- Đánh giá lợi thế của Quốc gia về ngành Nông nghiệp.
- Tiềm năng thị trường của các sản phẩm Nông nghiệp mà công ty lựa chọn.
- Quy mô và tiềm năng của thị trường nông sản ở Việt Nam.
- Kinh nghiệm đối với lĩnh vực nông nghiệp của Ban Lãnh đạo.

Với 4 tiêu chí chủ đạo đã đề ra, Ban Lãnh đạo đã có chiến lược phát triển công ty, cụ thể cho các giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1(2009 – 2012): Tạo lập thị trường

- Lựa chọn sản phẩm và thị trường cho mục tiêu kinh doanh: Sản phẩm công ty kinh doanh chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản lát, ngô, đậu tương, gạo nhằm phục vụ xuất khẩu và cung cấp cho các doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thức ăn chăn nuôi tại Việt Nam.
- Tạo lập và phát triển thị trường cho sản phẩm kinh doanh: Công ty đã thiết lập được hệ thống khách hàng trong và ngoài nước đảm bảo việc cung cấp sản phẩm ngày càng đa dạng và phát triển

Giai đoạn 2 (2013 – 2016) : Xây dựng quy mô sản xuất và thương hiệu trên thị trường

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất (Hệ thống kho bảo quản, hệ thống dây chuyền chế biến nông sản, hệ thống kiểm phẩm và kiểm tra chất lượng hàng hóa): Từ năm 2013 đến nay Công ty đã đầu tư xây dựng nhà máy chế biến nông sản tại Gia Lai và tiếp tục đầu tư xây dựng nhà máy chế biến nông sản tại Quy Nhơn; Công ty đã đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất gạo theo tiêu chuẩn xuất khẩu, hệ thống dây chuyền sấy ngô, hệ thống dây chuyền sản xuất tiêu theo tiêu chuẩn ASTA.
- Mở rộng ngành hàng và quy mô sản phẩm: Bên cạnh các mặt hàng kinh doanh trong giai đoạn trước công ty đã bắt đầu mở rộng hoạt động thu mua và chế biến hồ tiêu xuất khẩu.
- Xây dựng thương hiệu: Công ty đã xây dựng được thương hiệu của mình trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm.

Ngày 02/07/2014, Công ty chính thức đổi tên công ty thành CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc, để khẳng định và phù hợp với thương hiệu mà công ty đã xây dựng được trong 6 năm qua

Cho đến nay, quy mô của công ty phát triển rõ rệt thể hiện ở quy mô vốn điều lệ được tăng từ 1,8 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng và được UBCKNN chấp thuận công ty đại chúng ngày 13/02/2015.

Một số hình ảnh về công ty

Nhà máy và dây chuyền chế biến hồ tiêu tại Gia Lai

II. PEPPER

Products:

- Pepper Products
- Quality: FAQ and ASTA
- 500 gr/l
- 550 gr/l
- 570 gr/l
- 600 gr/l
- 630 gr/l




Pepper Products grown in ChuSe, Gia Lai Province, Vietnam

Pepper Processing Factory- HAKINVEST Gia Lai



Pepper Processing Line- ASTA Quality

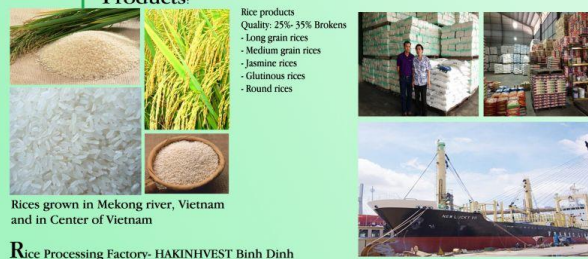


Nhà máy chế biến ngô, gạo tại Quy Nhơn

III. RICE



Products:

- Rice products
- Quality: 25%- 35% Broken
- Long grain rices
- Medium grain rices
- Jasmine rices
- Glutinous rices
- Round rices




Rices grown in Mekong river, Vietnam and in Center of Vietnam

Rice Processing Factory- HAKINVEST Binh Dinh



Rices Processing Lines- HAKINVEST



1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ**Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty**

TT	Thời điểm	Vốn điều lệ (Đồng)	Giá trị phát hành (Đồng)	Hình thức phát hành
1	Tháng 11/2009	1.800.000.000		Thành lập CTCP Thương mại và Đầu tư Hà nội – Kinh Bắc theo Giấy CNĐKKD số 0103041974 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2009.
2	Tháng 05 /2011	12.000.000.000	10.200.000.000	Phát hành tăng vốn cho các cổ đông hiện hữu
3	Tháng 06/2012	25.000.000.000	13.000.000.000	Phát hành tăng vốn cho các cổ đông hiện hữu
4	Tháng 12/2012	45.000.000.000	20.000.000.000	Phát hành tăng vốn cho các cổ đông hiện hữu
5	Tháng 9/2014	120.000.000.000	75.000.000.000	Phát hành tăng vốn cho các cổ đông hiện hữu
6	Tháng 11/2014	200.000.000.000	80.000.000.000	Phát hành tăng vốn cho các cổ đông hiện hữu

Nguồn: CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

Chi tiết các đợt tăng vốn như sau:

Lần 1: Phát hành tăng vốn từ 1,8 tỷ đồng lên 12 tỷ đồng**➤ Cơ sở pháp lý:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 17-A/2011/QĐ-HAKINVEST ngày 09/05/2011 thông qua phương án phát hành;
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103041974 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 2 ngày 17/6/2011;

➤ Chi tiết đợt phát hành:

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng)
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng)
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
- Mục đích phát hành: Bổ sung vốn kinh doanh
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 9: 51 (Cổ đông sở hữu 1 cổ phần được hưởng 1 quyền mua, cứ 9 quyền mua thì được mua 51 cổ phần mới)
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
- Số lượng phát hành: 1.020.000 cổ phần

Lần 2: Phát hành tăng vốn từ 12 tỷ đồng lên 25 tỷ đồng

➤ **Cơ sở pháp lý:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 19/QĐ-HAKINVEST ngày 01/06/2011 thông qua phương án phát hành;
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103041974 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 5 ngày 13/6/2012;

➤ **Chi tiết đợt phát hành:**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành : 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng)
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng)
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
- Mục đích phát hành: Bổ sung vốn kinh doanh
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 12: 13 (Cổ đông sở hữu 1 cổ phần được hưởng 1 quyền mua, cứ 12 quyền mua thì được mua 13 cổ phần mới)
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 1.300.000 cổ phần

Lần 3: Phát hành tăng vốn từ 25 tỷ đồng lên 45 tỷ đồng

➤ **Cơ sở pháp lý:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 20/QĐ-HAKINVEST ngày 05/12/2012 thông qua phương án phát hành;
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103041974 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 6 ngày 21/12/2012;

➤ **Chi tiết đợt phát hành:**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành : 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng)
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng)
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
- Mục đích phát hành: Bổ sung vốn kinh doanh
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 5: 4 (Cổ đông sở hữu 1 cổ phần được hưởng 1 quyền mua, cứ 5 quyền mua thì được mua 4 cổ phần mới)
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 2.000.000 cổ phần

Lần 4: Phát hành tăng vốn từ 45 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng

➤ **Cơ sở pháp lý:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2014 số 136/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/9/2014 thông qua phương án phát hành;
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103041974 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 10 ngày 29/9/2014;

➤ **Chi tiết đợt phát hành:**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành : 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng)
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng)
- Hình thức phát hành: Trả cổ tức bằng cổ phiếu, Góp vốn bằng tiền; Góp vốn bằng tài sản; Bù trừ công nợ
- Mục đích phát hành: Bổ sung vốn kinh doanh

Trả cổ tức bằng cổ phiếu

- Tỷ lệ phân bổ quyền: 10: 1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thì được nhận thêm 1 cổ phiếu mới)
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 450.000 cổ phần
- Nguồn phát hành: Lợi nhuận chưa phân phối còn lại đến 31/8/2014

Góp vốn bằng tiền, tài sản, bù trừ công nợ

- Tỷ lệ phân bổ quyền: 30:47 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần được hưởng 1 quyền mua, cứ 30 quyền mua thì được mua 47 cổ phần mới)
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
- Số lượng phát hành: 7.050.000 cổ phần

Lần 5: Tăng vốn từ 120 tỷ đồng lên 240 tỷ đồng

➤ **Cơ sở pháp lý:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2014 số 145/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/11/2014 thông qua phương án phát hành;
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103041974 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 11 ngày 24/11/2014;

➤ **Chi tiết đợt phát hành:**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành : 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng)
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền

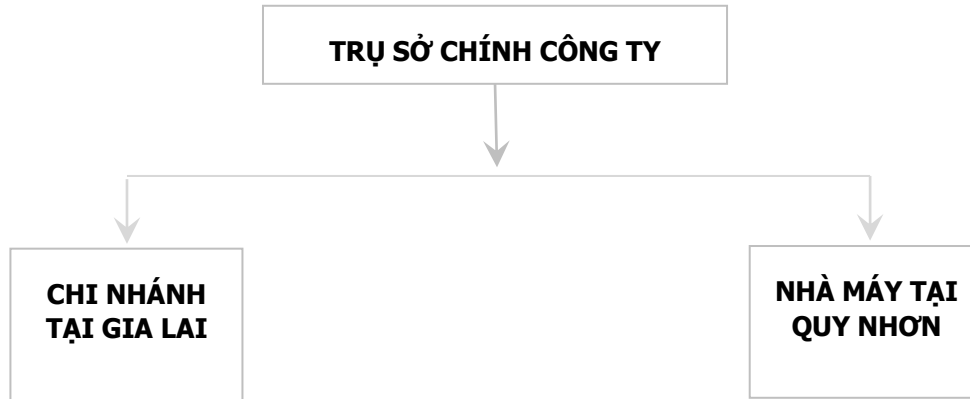
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC

- Mục đích phát hành: Bổ sung vốn kinh doanh
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 1: 1 (Cổ đông sở hữu 1 cổ phần được hưởng 1 quyền mua, cứ 1 quyền mua thì được mua 1 cổ phần mới)
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
- Số lượng phát hành thành công : 8.000.000 cổ phần
- SLCP phát hành không thành công (*): 4.000.000 cổ phần

(*) Số lượng cổ phiếu phát hành không thành công sẽ được Hội đồng quản trị công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành tăng vốn trong thời gian tới để đảm bảo vốn điều lệ thực góp thống nhất với vốn điều lệ đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

CTCP Nông nghiệp và thực phẩm Hà nội Kinh Bắc được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc và các văn bản pháp luật có liên quan khác



Trụ sở chính, chi nhánh và nhà máy của Công ty được đặt tại các địa chỉ sau:

Trụ sở chính

Địa chỉ : Nhà 905, CT1-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 37877290

Fax : (84.4) 37877291

Website : www.hakinvest.com.vn

Email : hakinvest@hakinvest.com.vn

Chi nhánh tại Gia Lai

Địa chỉ : Làng Ring 2, Xã H Bông, Huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

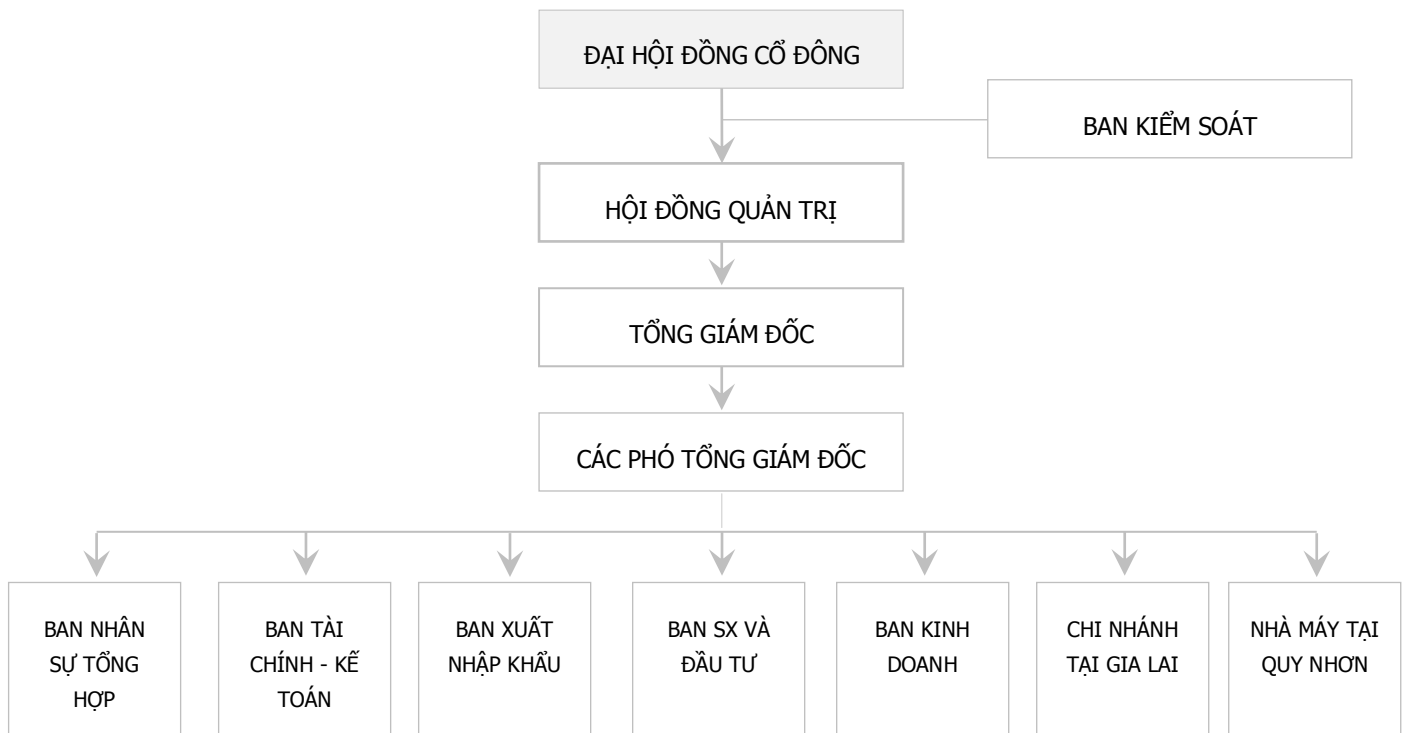
Nhà máy tại Quy Nhơn

Địa chỉ : Khu công nghiệp An Nhơn, Nhơn Hòa, Bình Định

Tiến độ : tại thời điểm 28/02/2015, Nhà máy tại Quy Nhơn đang trong quá trình xây dựng, dự kiến thời gian hoàn thiện trong Quý II năm 2015

3. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY

Hình 3: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

3.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề lớn về tổ chức hoạt động, sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển... của Công ty theo quy định của Điều lệ. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty giữa hai kỳ đại hội.

3.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị hiện tại bao gồm năm thành viên, trong đó có bốn thành viên tham gia điều hành và một thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị họp thảo luận các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển của công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách chi trả cổ tức và các vấn đề doanh nghiệp quan trọng khác. Hội đồng Quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý nhằm đánh giá kết quả hoạt động từng quý của công ty và thảo luận những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường sẽ được tổ chức trong các trường hợp cần thiết. Hội đồng Quản trị nhận được các thông tin cập nhật, chính xác, và kịp thời về tình hình sản xuất, kinh doanh trước các cuộc họp. Những thông tin này được chuẩn bị bởi Ban tổng giám đốc và Thư ký Hội đồng Quản trị cùng với các thông tin của công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ triển khai, thực thi các nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã được thông qua. Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty bao gồm:

- | | |
|----------------------------|----------------------------------|
| 1. Ông Dương Quang Lư | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| 2. Ông Nguyễn Đường Tăng | Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Nguyễn Trọng Dũng | Thành viên HĐQT |
| 4. Bà Đỗ Thị Thanh Hiền | Thành viên HĐQT |
| 5. Bà Trương Thị Hoàng Lan | Thành viên HĐQT |

3.3 Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty và các nhiệm vụ theo quy định pháp luật và điều lệ công ty như xem xét phạm vi, kết quả kiểm toán với kiểm toán độc lập, thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ v.v... Ban Kiểm soát bao gồm 3 thành viên, trong đó có một thành viên độc lập. Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn chuyên nghiệp độc lập để thực hiện các công việc được giao nếu thấy cần thiết. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát của công ty bao gồm:

- | | |
|------------------------|------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Dung | Trưởng ban |
| 2. Bà Nguyễn Thị Huyền | Thành viên |
| 3. Bà Trần Thị Sương | Thành viên |

3.4 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Phó Tổng Giám đốc là người giúp cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền. Công ty hiện có 3 Phó Tổng Giám đốc. Danh sách Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

- | | |
|-----------------------|---------------|
| 1. Ông Dương Quang Lư | Tổng Giám đốc |
|-----------------------|---------------|

- | | |
|--------------------------|-------------------|
| 2. Ông Nguyễn Đường Tăng | Phó tổng giám đốc |
| 3. Bà Đỗ Thị Thanh Hiền | Phó tổng giám đốc |
| 4. Ông Dương Đức Ngọc | Phó tổng giám đốc |

3.5 Các Phòng, Ban chức năng

Ban Kinh doanh

Đây là bộ phận hết sức quan trọng, đóng vai trò chủ chốt trong Công ty. Đảm bảo đầu vào và đầu ra của Công ty, tiếp cận và nghiên cứu thị trường, giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường cũng như thu hút khách hàng mới. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, tính giá và lập hợp đồng với khách hàng, kết hợp với Phòng Kỹ thuật tổ chức công tác nghiệm thu sản phẩm, bàn giao công trình đưa vào sử dụng với chủ đầu tư.

Cung cấp thông tin, dịch thuật tài liệu, phiên dịch cho ban lãnh đạo. Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện của các phòng ban, phân xưởng đảm bảo sản xuất sản phẩm đúng thời hạn hợp đồng với khách hàng và kịp thời đề xuất những phương án sản xuất hiệu quả nhất.

Lập và phân bổ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm cho Công ty, hàng quý và hàng tháng cho các phân xưởng sản xuất. Lập lệnh sản xuất cho các phân xưởng, duy trì và nâng cao nguồn hàng cho Công ty. Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác Marketing trong từng thời điểm.

Ban Tài chính - Kế toán

Chịu trách nhiệm toàn bộ thu chi tài chính của Công ty, đảm bảo đầy đủ chi phí cho các hoạt động lương, thưởng, mua máy móc, vật liệu,... và lập phiếu thu chi cho tất cả những chi phí phát sinh. Lưu trữ đầy đủ và chính xác các số liệu về xuất, nhập theo quy định của Công ty.

Chịu trách nhiệm ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ tình hình hiện có, lập chứng từ về sự vận động của các loại tài sản trong Công ty, thực hiện các chính sách, chế độ theo đúng quy định của Nhà nước. Lập báo cáo kế toán hàng tháng, hàng quý, hàng năm để trình Ban Giám đốc.

Phối hợp với phòng Tổ chức - Hành chính thực hiện trả lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên theo đúng chế độ, đúng thời hạn. Theo dõi quá trình chuyển tiền thanh toán của khách hàng qua hệ thống ngân hàng, chịu trách nhiệm quyết toán công nợ với khách hàng. Mở sổ sách, lưu trữ các chứng từ có liên quan đến việc giao nhận.

Ban Nhân sự, tổng hợp

Lập bảng báo cáo hàng tháng về tình hình biến động nhân sự. Chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý nhân sự, tổ chức tuyển dụng, bố trí lao động đảm bảo nhân lực cho sản xuất, sa thải nhân viên và đào tạo nhân viên mới. Chịu trách nhiệm soạn thảo và lưu trữ các loại giấy tờ, hồ sơ, văn bản, hợp đồng của Công ty và những thông tin có liên quan đến Công ty. Tiếp nhận và theo dõi các công văn, chỉ thị, quyết định,...

Tổ chức, triển khai, thực hiện nội quy lao động của Công ty, theo dõi quản lý lao động, đề xuất khen thưởng. Thực hiện các quy định nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động như lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi...

Phối hợp với phòng kế toán thực hiện về công tác thanh toán tiền lương, tiền thưởng và các mặt chế độ, chính sách cho người lao động, và đóng bảo hiểm xã hội thành phố theo đúng quy định của Nhà nước và của Công ty.

Ban Sản xuất và Đầu tư

Ban sản xuất và đầu tư chuyên trách quản lý và khai thác các cơ sở vật chất sản xuất & kinh doanh của Công ty (máy móc, kho tàng và hệ thống thu mua) thông qua nghiệp vụ thu mua, sản xuất, ứng

dụng và cải tiến công nghệ sản xuất chế biến, triển khai các dự án đầu tư của Công ty. Nhiệm vụ chính của ban như sau:

Ban gồm các nhóm công tác chính nằm ở các chi nhánh/nhà máy của Công ty ở khu vực nêu trên bao gồm: Nhóm quản lý (Ban giám đốc Chi nhánh), tổ thu mua, tổ bán hàng, tổ kho hàng, tổ sản xuất và chế biến và tổ giao nhận hàng hoá.

Ban Xuất nhập khẩu

Ban Xuất nhập khẩu là Ban chuyên nghiên cứu tình hình về giá nông sản trên thế giới, khả năng sản xuất và nhu cầu trong nước, liên hệ các đối tác nước ngoài để đàm phán chào hàng, liên hệ các hãng tàu để thực hiện các nghiệp vụ liên quan phục vụ cho công tác xuất khẩu hàng hóa của công ty.

4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẴM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY; DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỈ LỆ NẴM GIỮ; CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của HKB tại 11/2/2015

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số GĐKKD/ CMND	SLCP	Tỷ lệ (%)
1	CTCP Quản lý Quỹ Việt Cát	Tầng 2 – Toà nhà TCT Tái bảo hiểm QG VN – 141 Lê Duẩn – Hà Nội	28/UBCK - GP	2.870.370	14,35%
2	Dương Quang Lư	Số 905 CT 1-2 Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	013339501	3.700.000	18,50%
3	Nguyễn Đường Tăng	B10, BT3, KĐT Mỹ Đình II, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	013413638	1.000.000	5,00%
	Tổng cộng			7.570.370	37,85%

Nguồn: CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 11/2/2015

STT	Cổ đông	Số CMND	Địa chỉ	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Dương Quang Lư	013339501	Nhà 33, ngách 291/44 Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	3.700.000	18,50
2	Bùi Thanh Loan	012835064	Nhà 33, ngách 291/44 Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0
3	Dương Quang Trường	125134539	Chi Đồng - Tân Chi - Tiên Du - Bắc Ninh	750.000	3,75
	Tổng cộng			4.450.000	22,25

Nguồn: CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

Căn cứ khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp: "Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ". Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào ngày 09 tháng 11 năm 2009, như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4.3 Cơ cấu cổ đông**Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại ngày 11/2/2015**

TT	Cổ đông	SL cổ đông	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước			
1	Tổ chức	01	2.870.370	14,35%
2	Cá nhân	107	17.129.630	85,65%
II	Cổ đông nước ngoài			
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-
Tổng cộng		108	20.000.000	100%

Nguồn: CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

5. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ, CÁC CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC NIÊM YẾT ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC NIÊM YẾT

5.1 Công ty mẹ của HKB

Không có

5.2 Danh sách Công ty con của HKB

Không có

5.3 Danh sách Công ty mà HKB đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối

Không có

5.4 Danh sách Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối HKB

Không có

6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty

Ngay từ khi thành lập Công ty, Ban Lãnh đạo Hakinvest đã có chủ trương lựa chọn nông nghiệp là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, từ đó làm đòn bẩy phát triển mở rộng sang những lĩnh vực mới nhằm gia tăng chuỗi giá trị từ nông nghiệp như công nghiệp thực phẩm và năng lượng xanh.

Các sản phẩm nông nghiệp chính của Công ty, cụ thể là tiêu và sắn, được lựa chọn dựa trên cả yếu tố khách quan và chủ quan như lợi thế của Việt Nam trong việc cung ứng và điều tiết giá sản phẩm; tiềm năng thị trường trong và ngoài nước của sản phẩm; tiềm năng khai thác giá trị chuỗi từ khâu trồng trọt, đến chế biến và phân phối; sản phẩm có vòng quay chế biến – kinh doanh – phân phối thu hồi vốn nhanh; và đặc biệt là kinh nghiệm lâu năm và dày dặn của Ban lãnh đạo đối với sản phẩm.

Lựa chọn sản phẩm kinh doanh

Tiêu (tên gọi khác là Hồ tiêu)

Việt Nam là nước xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất thế giới, với sản lượng chiếm gần 50% sản lượng thương mại toàn cầu, do đó Việt Nam có lợi thế trong việc chi phối giá sản phẩm. Tiêu là mặt hàng dễ bảo quản và có thể để được vài năm mà không bị mối mọt hay hư hỏng, nhưng chỉ được thu hoạch 1 năm 1 lần vào các tháng 2 đến 4, vì vậy mặt hàng tiêu có thể áp dụng phương án kinh doanh tạm trữ/đầu cơ hàng hóa/nguyên liệu để phục vụ chế biến xuất khẩu hay kinh doanh.

Sắn

Với diện tích trồng sắn đạt hơn 560.000 ha, Việt Nam là một trong những nước xuất khẩu sắn lớn nhất thế giới. Sắn và các sản phẩm từ sắn được sử dụng để phục vụ cho rất nhiều lĩnh vực sản xuất như sau :

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: tinh bột sắn là nguyên liệu làm bột ngọt, thực phẩm, hồ vôi, bao bì, màng phủ sinh học...
- Lĩnh vực sản xuất thực phẩm : Sắn là nguyên liệu chính để sản xuất mì ăn liền, mì ống, mì sợi, bánh kẹo, rượu, nước giải khát..
- Lĩnh vực sản xuất năng lượng : Sắn là mặt hàng cực kỳ quan trọng trong việc sản xuất cồn và Ethanol (xăng sinh học)
- Lĩnh vực y tế : Sắn được dùng để sản xuất cồn y tế, axit citric..
- Lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi: Sắn lát là nguyên liệu chính để sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Ngoài việc được dùng làm lương thực, thức ăn chăn nuôi, gần đây sắn còn được sử dụng để sản xuất xăng ethanol. Ước tính cần gần 1 triệu tấn sắn khô (sắn lát) để sản xuất 100 nghìn tấn xăng ethanol. Hiện tại Việt Nam có 6 nhà máy sản xuất xăng ethanol, với công suất thiết kế đạt 535 triệu lít/năm. Tại Việt Nam, từ 1/12/2014, xăng sinh học E5 (95% xăng khoáng RON92 trộn 5% xăng ethanol) được bán rộng rãi tại 7 tỉnh thành cả nước; và từ 1/12/2015 sẽ được chính thức sử dụng và bán rộng rãi toàn quốc. Xăng E5 được Chính Phủ hỗ trợ toàn diện từ khâu sản xuất đến tiêu thụ. Cụ thể ngày 26 tháng 1 năm 2015, nhằm khuyến khích sử dụng xăng E5, Văn phòng Chính phủ đã ra thông báo số 19/TB-VPCP về việc đồng ý áp dụng trong năm 2015 biện pháp trích lập Quỹ bình ổn giá xăng dầu đối với xăng E5 thấp hơn đối với xăng khoáng RON92 để giá bán xăng E5 thấp hơn so với giá xăng khoáng RON92 từ 300 đến 500 đồng/lít. Đối với xăng E10 (90% xăng khoáng RON92 trộn với 10% xăng ethanol), thời gian đưa vào sử dụng tại 7 tỉnh là 1/12/2016 và toàn quốc là 1/12/2017.

Trên thế giới, xăng trộn ethanol đã được sử dụng rộng rãi trong nhiều năm qua, như Trung Quốc dùng E10, Mỹ dùng E15 (85% xăng khoáng RON 92 trộn 15% xăng ethanol). Sản lượng sản xuất xăng ethanol trên toàn thế giới tăng trưởng khá đều qua các năm, từ hơn 17 triệu gallons trong năm 2008 lên đến hơn 23 triệu gallons trong năm 2013.

Sản phẩm kinh doanh khác:

Ngoài tiêu và sắn, tận dụng lợi thế nhà máy tại Khu Công Nghiệp Nhơn Hòa – Quy Nhơn, nơi tập trung nhiều nhà máy chế biến thức ăn gia súc/gia cầm nhiều nhất cả nước, HKB chế biến và cung cấp nguyên liệu thức ăn chăn nuôi như ngô, cám gạo, đậu tương, v.v. cho các nhà máy này. Bên cạnh đó, nhằm duy trì mối quan hệ lâu năm với bạn hàng tại HongKong, hàng năm Công ty vẫn thực hiện xuất khẩu gạo qua ủy thác nhưng với khối lượng không lớn.

Với chiến lược tập trung vào một số sản phẩm nông sản có tỉ suất lợi nhuận cao và Công ty có thế mạnh, Công ty tập trung vào hoạt động chính sau:

- Chế biến và kinh doanh sắn lát, hồ tiêu phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước;
- Chế biến và kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi: Ngô, sắn, cám gạo, đậu tương;
- Chế biến lúa gạo xuất khẩu và tiêu dùng nội địa.

6.1.1 Chế biến và kinh doanh sắn, hồ tiêu

Chế biến và kinh doanh sắn lát:

Sắn lát được thu hoạch một năm 2 vụ, từ tháng 12 đến tháng 1 và từ tháng 4 đến tháng 5. Với mặt hàng này, Hakinvest chủ yếu tập trung đầu tư vào cơ sở thu mua sắn, bảo quản chế biến để đảm bảo độ ẩm và hàm lượng tinh bột trong sắn để phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa. Kho chứa ở khu vực trọng điểm trồng sắn là Tây Nguyên và Bình Định. Kho chứa sắn tại Gia Lai của Công ty có công suất chứa 15.000 tấn sắn và quay vòng 60.000 tấn sắn/vụ. Hệ thống kho, bãi này có chức năng thu mua và chứa tạm thời sau đó luân chuyển xuống cảng Quy Nhơn để xuất khẩu.

Tại Bình Định, tổng sức chứa của các kho là 100.000 tấn sắn lát, trong đó kho của Công ty có sức chứa 30.000 tấn sắn lát, kho thuê của Công ty có sức chứa gần 70.000 tấn sắn lát. Mỗi vụ sắn Công ty quay vòng lưu kho được 4 lần/vụ.

Trong mùa vụ thu hoạch, kho của Công ty tại tỉnh Bình Định có năng lực thu mua từ 1.500 tấn đến 2.000 tấn/ngày, nhờ vậy, Công ty có thể cung cấp cho khách hàng 14.000 tấn/tuần và có thể cung cấp cho thị trường 150.000 tấn – 200.000 tấn sắn lát để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa hàng năm.



Chế biến và kinh doanh hồ tiêu

Hiện nay, Việt Nam chiếm gần 40% sản lượng tiêu trên toàn thế giới và chiếm gần 50% khối lượng tiêu xuất khẩu trên thế giới. Mỹ, Các tiểu Vương quốc Ả rập, Hà Lan và Ấn Độ là những quốc gia nhập khẩu tiêu lớn nhất từ Việt Nam.

Với mặt hàng hồ tiêu, Hakinvest chế biến tiêu sạch theo tiêu chuẩn ASTA với công suất 10.000 tấn/năm (giai đoạn 1) phục vụ xuất khẩu.

Để đáp ứng đầu ra cho mặt hàng hồ tiêu tiêu chuẩn ASTA, Công ty đã thiết lập quan hệ với khoảng 20 bạn hàng quốc tế tại nhiều quốc gia trên thế giới như Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ, Algérie, Mexico, Đài Loan, Mỹ và Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất.

Đối với thị trường trong nước, Công ty đang lên kế hoạch tham gia thu mua và bán tiêu xô nguyên liệu cho các khách hàng mục tiêu như Intimex (Bình Dương), Nestlespices (Bình Dương), Olarm (Gia Lai), Mexico (Gia Lai) và Vietspices (Bình Dương).



6.1.2 Chế biến và kinh doanh nguyên liệu thức ăn chăn nuôi

Tận dụng địa bàn Bình Định là trung tâm của vùng nông sản khu vực Nam Trung Bộ; hơn nữa Công ty có nhà máy nằm trong Khu Công Nghiệp Quy Nhơn, Hakinvest có hệ thống chế biến nguyên liệu thức ăn chăn nuôi với các công đoạn sấy, làm sạch, đóng gói tại Bình Định. Các sản phẩm của Công ty là ngô, hạt đậu, cám gạo, tấm đều đạt chất lượng theo tiêu chuẩn của các khách hàng là các nhà máy sản xuất thức ăn gia súc/gia cầm lớn nhất của Việt Nam đang tập trung tại Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Quy Nhơn như PROCONCO, GREENFEED, ANT, UNI-PRESIDENT, NEWHOPE, EASTHOPE, CARGIL, CJ VINA, AMERICAN FEED...

Đối với nhà máy tại Gia Lai, trong tương lai Công ty sẽ không thực hiện chế biến thức ăn chăn nuôi tại đây do không tận dụng được lợi thế về vận chuyển như nhà máy tại Bình Định.

6.1.3 Chế biến và kinh doanh gạo

Hakinvest có các dây chuyền chế biến gạo với công nghệ hiện đại, tự động hóa đạt tiêu chuẩn và an toàn vệ sinh thực phẩm. Tổng công suất các nhà máy có thể đáp ứng nhu cầu cho các đơn hàng lớn từ 15.000 tấn – 25.000 tấn/chuyến giao hàng/tháng.

6.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	%/ DTT	Năm 2014	%/ DTT
1	Doanh thu từ sản lát	338.186.880.251	85,91%	330.044.427.582	72,53%
2	Doanh thu từ hồ tiêu	-	-	4.280.074.365	0,94%
3	Doanh thu từ gạo	36.057.153.650	9,16%	38.334.891.492	8,42%
4	Doanh thu từ ngô	19.423.487.910	4,93%	82.123.089.768	18,04%
5	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	-	-	323.120.512	0,07%
Tổng cộng		393.667.521.811	100%	455.105.603.719	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

Doanh thu của Công ty trong các năm qua chủ yếu từ hoạt động chế biến và kinh doanh sản. Ban Lãnh đạo Công ty ngay từ thời kỳ đầu thành lập đã lựa chọn sản là sản phẩm chủ đạo trong kinh doanh và mục tiêu sẽ trở thành doanh nghiệp xuất khẩu và cung ứng sản lát hàng đầu của Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC

Năm 2013, doanh thu từ sản đạt trên 338 tỷ đồng, chiếm 85,91% doanh thu thuần, chủ yếu là cung cấp sang thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc và các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi trong nước. Doanh thu từ gạo và ngô lần lượt chiếm 9,16% và 4,93% cơ cấu doanh thu thuần năm 2013

Với kinh nghiệm trong ngành nông nghiệp, sau một thời gian nghiên cứu, năm 2014 Ban Lãnh đạo Công ty quyết định mở rộng cơ cấu sản phẩm kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, sản lát vẫn là sản phẩm chủ đạo và một số sản phẩm mới như hồ tiêu, ngô được Công ty lựa chọn để phát triển, cung cấp ra thị trường. Năm 2014, doanh thu từ sản lát đạt trên 330 tỷ đồng, Doanh thu từ gạo đạt 38,3 tỷ, tương ứng 72,53% và 8,42% doanh thu thuần. Doanh thu từ ngô có sự tăng trưởng mạnh mẽ, tăng 322,80% so với năm 2013, chiếm 18,04% doanh thu thuần cả năm 2014. Năm 2014, cũng là năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hồ tiêu nên doanh thu đang ở mức thấp, với giá trị đạt trên 4,2 tỷ đồng, chiếm 0,94% cơ cấu doanh thu thuần của cả năm.

Trong năm 2014, do yêu cầu của khách hàng nên khi bán hàng Công ty cung cấp dịch vụ bốc xếp và lưu kho tạm thời, và trong năm Công ty đã phát sinh doanh thu từ cung cấp dịch vụ.

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần theo thị trường

Đơn vị: Đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2013	%/ DTT	Năm 2014	%/ DTT
1	Doanh thu xuất khẩu	304.454.793.211	77,34%	194.795.433.729	42,80%
2	Doanh thu nội địa	89.212.728.600	22,66%	260.310.169.990	57,20%
	Tổng cộng	393.667.521.811	100%	455.105.603.719	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

Giai đoạn 2013 trở về trước, Công ty tập trung vào xuất khẩu, do đó giá trị doanh thu từ xuất khẩu đạt trên 304 tỷ đồng, chiếm 77,34% doanh thu thuần. Tuy nhiên, từ năm 2014, Công ty đã chú trọng hơn trong việc khai thác thị trường nội địa, đặc biệt là đẩy mạnh việc bán nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và cung cấp sản lát cho một số công ty sản xuất xăng ethanol trong nước. Do đó, cơ cấu doanh thu theo thị trường trong năm 2014 đã có sự thay đổi lớn. Giá trị doanh thu từ xuất khẩu năm 2014 đạt trên 194 tỷ đồng, giảm 36,02% so với năm 2013 và chỉ còn chiếm 42,80% cơ cấu doanh thu thuần. Giá trị doanh thu từ thị trường nội địa năm 2014 tăng 191,79% so với năm 2013, chiếm 57,20% cơ cấu doanh thu của cả năm.

Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Lãnh đạo Công ty, từ 2015, với triển vọng tích cực của sản phẩm tiêu, doanh thu xuất khẩu hứa hẹn sẽ có sự tăng trưởng mạnh và đóng góp lớn vào sự tăng trưởng doanh thu của Công ty.

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm

Đơn vị: Đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2013	%/ DTT	Năm 2014	%/ DTT
1	Lợi nhuận gộp từ sản lát	36.641.282.899	9,31%	42.983.508.968	9,44%
2	Lợi nhuận gộp từ hồ tiêu	-	-	26.667.130	0,006%

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	%/ DTT	Năm 2014	%/ DTT
3	Lợi nhuận gộp từ gạo	4.293.651.150	1,09%	9.469.140.892	2,08%
4	Lợi nhuận từ ngô	2.931.314.535	0,74%	14.809.439.401	3,25%
5	Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ			323.120.512	0,07%
Tổng cộng		43.866.248.584	11,14%	67.611.876.903	14,85%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

Cũng như cơ cấu Doanh thu thuần các sản phẩm, cơ cấu lợi nhuận gộp đã phản ánh chính xác về cơ cấu lợi nhuận các sản phẩm của Công ty. Sắn lát là sản phẩm chủ đạo, đóng góp trên 36,6 tỷ đồng lợi nhuận gộp, chiếm 9,31% doanh thu thuần trong năm 2013.

Tuy nhiên, trong năm 2014, bên cạnh mặt hàng chủ đạo là sắn lát thì Công ty đẩy mạnh việc cung cấp ngô cho các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi dẫn đến lợi nhuận gộp của mặt hàng ngô tăng đáng kể, đạt 14,8 tỷ đồng, chiếm 3,25% doanh thu thuần. Lợi nhuận gộp từ sắn lát chiếm chủ yếu trong cơ cấu lợi nhuận gộp của cả năm, đạt gần 43 tỷ đồng, chiếm 9,44% doanh thu thuần. Trong năm 2014, Công ty phát sinh lợi nhuận gộp từ mặt hàng mới là hồ tiêu và từ cung cấp dịch vụ bốc xếp, lưu kho, tuy nhiên giá trị không đáng kể, chỉ chiếm 0,006% và 0,07% doanh thu thuần cả năm.

6.3 Nguyên vật liệu

6.3.1 Nguyên vật liệu

Hồ tiêu

Gia Lai là tỉnh miền núi phía bắc Tây Nguyên có nhiều lợi thế từ thiên nhiên để phát triển các loại cây công nghiệp. Với độ cao trung bình từ 700 - 800m so với mặt nước biển và sở hữu 07 nhóm đất chính để phát triển các giống cây công nghiệp gồm: đất phù sa để trồng cây nông nghiệp, đất xám để trồng cây công nghiệp ngắn ngày, đất đen để trồng rừng, đất đỏ vàng để trồng cây công nghiệp, đất đen để trồng rừng, đất thung lũng và đất xói mòn không có khả năng sử dụng. Trong đó, nhóm đất thung lũng (đất đỏ vàng) với diện tích 781.765 ha (chiếm 50,44% tổng diện tích tự nhiên), thích hợp cho việc trồng các cây công nghiệp dài ngày như hồ tiêu.

Nhờ các yếu tố tự nhiên thuận lợi, Gia Lai đã trở thành một trong các tỉnh có sản lượng cây công nghiệp hàng đầu cả nước.

Bảng 8: Sản lượng tiêu theo vùng tại Việt Nam năm 2011 -2014

STT	TỈNH	ĐVT	2011	2012	2013	2014
1	Gia Lai	Tấn	25.733	24.604	29.545	27.497
2	Bình Phước		26.155	25.362	25.030	25.919
3	Đắk Lắk		11.715	13.665	14.040	19.408
4	Đắk Nông		13.096	13.478	15.790	19.097
5	Đồng Nai		13.111	13.713	11.656	14.500
6	Bà Rịa Vũng Tàu		11.725	11.194	12.141	14.235
7	Khác		18.500	18.000	10.000	11.000
	Tổng		89.810	106.303	118.202	131.656

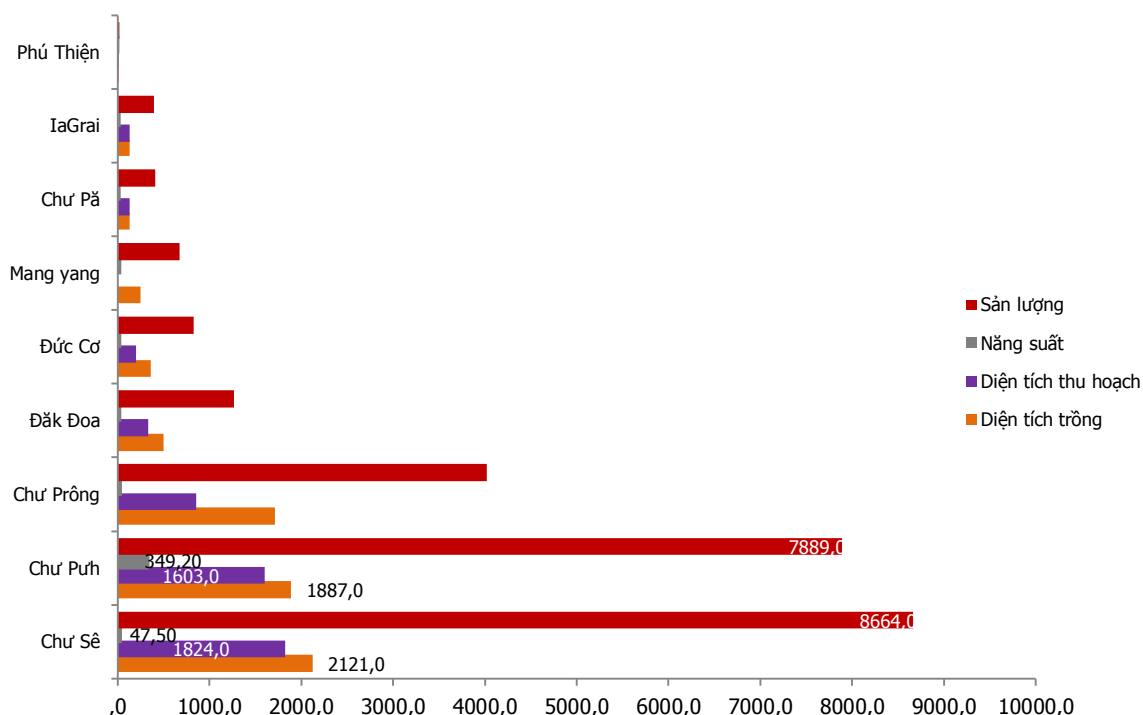
Nguồn: Hiệp hội Tiêu Việt Nam

Chư Sê là huyện miền núi của tỉnh Gia Lai, có quỹ đất đỏ Bazan lớn phù hợp cho việc phát triển các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao, nhất là các loại cây công nghiệp dài ngày như cây cà phê, hồ tiêu, cao su, v.v. Theo Hiệp hội Tiêu Chư Sê, với diện tích trên 4.000 ha chỉ chiếm 6% diện tích trồng cây công nghiệp dài ngày nhưng hồ tiêu cho sản lượng khoảng 20.000 tấn chiếm 20% sản lượng hồ tiêu cả nước, Chư Sê và Chư Pưh đã trở thành vùng sản xuất hồ tiêu cho chất lượng và năng suất cao nhất của Việt Nam nói chung và Gia Lai nói riêng.

Do hội tụ đủ các điều kiện về địa hình, đất đai, khí hậu, kinh nghiệm sản xuất với các biện pháp canh tác nghiêm ngặt, khuyến khích đầu tư theo hướng sản xuất bền vững, tạo cho hồ tiêu Chư Sê có đặc tính riêng biệt, kích cỡ hạt lớn, dung trọng cao bình quân đạt 570gr/lít, có vị thơm và độ cay đặc trưng so với các vùng trồng tiêu khác, sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, không có vi khuẩn Ecoli, vi khuẩn Samonella không có độc tố aflatoxin phù hợp với thị trường khó tính nhất như Châu Âu, Mỹ.

Nhờ các yếu tố thuận lợi của tỉnh Gia Lai nói chung và của huyện Chư Sê, Chư Pưh nói riêng, từ năm 2015 HKB sẽ tập trung phát triển thu mua hồ tiêu tại Gia Lai và xuất khẩu sang các thị trường như Trung Quốc, Châu Âu và Mỹ. Để ổn định nguồn cung cấp nguyên vật liệu của Công ty, từ năm 2015, Công ty bắt đầu thực hiện việc trồng tiêu trên 02 khu vực là (i) Chư Sê, Chư Pưh và (ii) ĐakNong.

Hình 4: Diện tích (ha), năng suất (tấn/ha) và sản lượng (tấn) Hồ tiêu tại Gia Lai



Nguồn: Hiệp hội Tiêu Việt Nam

Sắn, ngô

Khu vực Tây Nguyên, Bình Định và Đồng bằng Sông Cửu Long là những vùng có sản lượng trồng sắn, ngô và hồ tiêu cao nhất cả nước. Chính vì vậy, nguồn nguyên liệu sắn/ngô của Công ty được tập trung vào các khu vực này. Hakinvest đã xây dựng được mạng lưới thu mua trực tiếp sản phẩm từ các hộ nông dân, cung cấp nông sản về các kho, nhà máy của Công ty, đảm bảo sự chủ động về nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất và xuất khẩu. Phòng thu mua tại Trụ sở chính của Công ty và tại các Chi nhánh đã thiết lập quan hệ với hàng trăm hộ nông dân trên địa bàn Tây Nguyên và Bình Định.

Ngoài ra, Công ty còn phát triển mạng lưới cung ứng nguyên liệu đầu vào thông qua các đại lý tuy nhiên nguồn nguyên liệu chủ yếu vẫn được cung cấp từ các hộ nông dân.

Việc thu mua trực tiếp từ các hộ nông dân tạo cho Hakinvest lợi thế cạnh tranh về giá thu mua cao do tiết kiệm được chi phí đại lý. Mặt khác, các đại lý thu mua thường áp dụng hình thức thanh toán sau trong khi Công ty thường thanh toán ngay, điều này khiến các hộ nông dân tin tưởng và mong muốn được cung ứng nguyên liệu cho Công ty.

Gạo

Việc thu mua nguyên liệu khá dễ dàng do các nhà máy tại khu vực Bình Định nằm ở vị trí gần trung tâm sản xuất lúa, gạo của Miền Trung. Nhà máy gạo Chư Sê – Gia Lai nằm gần cánh đồng Azumba, Phú Thiện và Japa là vựa lúa của Tây Nguyên. Sản phẩm lúa gạo tại khu vực này chủ yếu là các loại gạo đục hạt tròn và gạo trong hạt trung, sử dụng cho sản xuất bia rượu, làm bánh tiêu thụ trong nước.

6.3.2 Nhà cung cấp

Bảng 9: Danh sách các nhà cung cấp lớn của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC

STT	TÊN NHÀ CUNG CẤP	HÀNG HÓA
1.	CT TNHH MTV Hồng Trâm Gia Lai	Tiêu
2.	CTCP Nông nghiệp Lumex Việt Nam	Sắn
3.	CTCP Nông sản Tràng An	Sắn
4.	CT TNHH Thiên Thành Phát	Ngô
5.	CT TNHH Huy Hà	Gạo
6.	CT TNHH XNK Phương Thanh	Gạo
7.	CT TNHH MTV Minh Nhân	Gạo
8.	CTCP Mỹ Tường	Gạo
9.	CT TNHH MTV Lương Thực Tây Đông	Gạo
10.	CT TNHH Nhã Tường	Gạo
11.	Các hộ nông dân: 1000 hộ bán trực tiếp	Sắn, hồ tiêu và các mặt hàng nông sản khác

Nguồn: CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc

6.3.3 Sự ổn định của nhà cung cấp

Hồ tiêu là mặt hàng được Công ty đặc biệt chú trọng trong thời gian tới, vì vậy việc ổn định của các nguồn cung cấp Hồ tiêu sẽ là yếu tố sống còn của Công ty. Trong giai đoạn từ năm 2015 - 2016, Hiệp hội Tiêu Chur Sê, Chur Pưh,ĐakNong sẽ giao cho Công ty 160 ha đất nguyên liệu trồng tiêu. Với diện tích đó, dự kiến, Công ty sẽ trồng được 272.000 trụ tiêu. Đây sẽ là yếu tố đảm bảo cho việc cung cấp nguyên liệu hồ tiêu cho Công ty trong thời gian tới.

Đối với các mặt hàng nông sản khác thì nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào của Công ty luôn luôn ổn định về số lượng cũng như chất lượng vì Công ty đã có được mối quan hệ đối tác bền chặt trong nhiều năm với các hộ nông dân và nhà cung ứng nguyên liệu trong phạm vi tỉnh Gia Lai, Bình Định và một số vùng lân cận.

6.4 Chi phí sản xuất

Quản lý chi phí luôn là một trong những công tác trọng tâm của Công ty và được lên kế hoạch chi tiết cho từng danh mục hàng tháng và quý. Đặc biệt chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty được kiểm soát chặt chẽ.

Bảng 10: Cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm

Đơn vị: Đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	% /DTT	Giá trị	% /DTT
1	Giá vốn hàng bán	349.801.273.227	88,86%	387.493.726.816	85,14%
2	Chi phí QLDN	4.469.828.219	1,14%	6.531.820.699	1,44%

TT	Chi tiêu	Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	% /DTT	Giá trị	% /DTT
3	Chi phí bán hàng	28.832.188.983	7,32%	29.932.205.814	6,58%
4	Chi phí tài chính	8.024.786.558	2,04%	7.426.978.984	1,63%
	Tổng chi phí	391.128.076.987	99,36%	431.384.732.313	94,79%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

Giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán của Công ty chủ yếu là giá thành thu mua nguyên liệu đầu vào, chính là giá các mặt hàng nông sản, mức giá này biến động hàng năm theo sản lượng, mùa vụ của từng chủng loại mặt hàng.

Từ năm 2013, với tiềm lực tài chính được tăng cường nhờ việc tăng vốn điều lệ và vốn vay, Công ty kéo dài thời gian lưu kho, do đó chất lượng sản phẩm tăng (do khô hơn) nên giá bán tăng. Nhờ vậy tỉ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần năm 2013 đạt 88,86%, và năm 2014 đã giảm còn 85,14%..

Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Giai đoạn 2013-2014 là giai đoạn phát triển về quy mô của Hakinvest. Do đó, tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần tăng từ 1,14% năm 2013 lên 1,44% năm 2014.

Chi phí bán hàng:

Do đặc thù của việc kinh doanh xuất khẩu nông sản, tỷ trọng chi phí bán hàng chiếm một tỷ lệ tương đối ổn định trong khoảng 6,5% đến 7,5% doanh thu thuần. Chi phí bán hàng của Công ty bao gồm: chi phí chuyên chở hàng từ kho đến cảng, chi phí mở LC với ngân hàng, chi phí bảo hiểm trong quá trình xuất hàng, chi phí bảo quản hàng hóa v.v....

Chi phí tài chính:

Để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của hoạt động thu mua, tùy từng mùa vụ trong năm, Công ty sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng để tài trợ cho việc thu mua nông sản. Tỷ trọng chi phí tài chính trong doanh thu thuần dao động trong khoảng 2%.

6.5 Trình độ công nghệ

Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty đang có 04 dây chuyền chế biến nông sản gồm (i) dây chuyền chế biến tiêu theo tiêu chuẩn ASTA, (ii) dây chuyền sấy bán công nghiệp, (iii) dây chuyền sấy công nghiệp, (iv) dây chuyền chế biến gạo. Năng lực chế biến của các dây chuyền này như sau:

Bảng 11: Năng lực chế biến nông sản

Dây chuyền	Sản lượng và Địa điểm dây chuyền		Ghi chú
	Gia Lai	Bình Định	
Tiêu	10.000 Tấn/Năm		Tiêu chuẩn ASTA, công nghệ Sinco (Việt Nam)
Ngô/sắn	30.000 Tấn/Năm	75.000 Tấn/Năm	Tại Gia Lai: dây chuyền sấy bán công nghiệp, sấy được tiêu/ngô/lúa/sắn.

			Tại Bình Định: dây chuyền công nghệ Đài Loan.
Gạo	20.000 Tấn/Năm		Công nghệ Sinco (Việt Nam)

Nguồn: CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

Trong thời gian tới, dây chuyền gạo tại Gia Lai sẽ được Công ty di chuyển xuống nhà máy tại Bình Định nhằm chuyên môn hóa việc chế biến gạo.

6.5.1 Dây chuyền tiêu theo tiêu chuẩn ASTA (American Standards Trade Association)

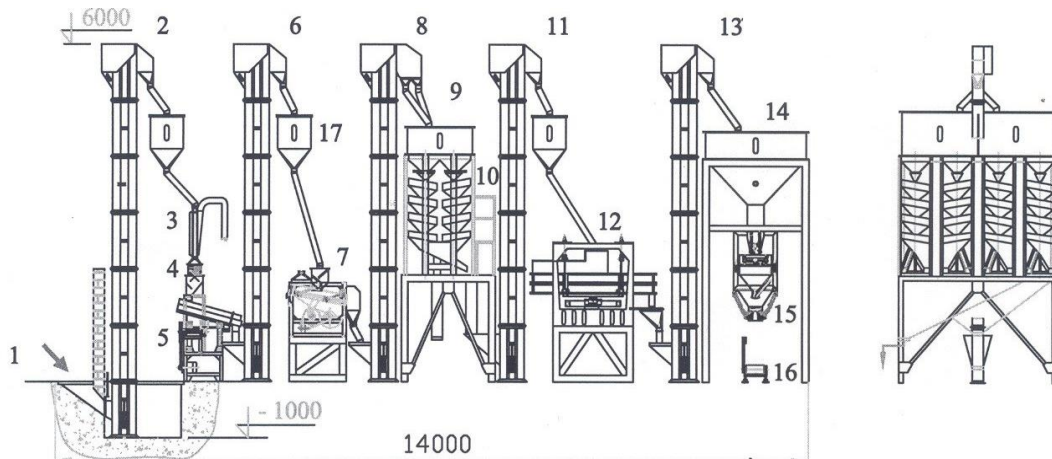
Trong năm 2014, Công ty đã đầu tư lắp đặt 01 dây chuyền chế biến tiêu xuất khẩu tại Gia Lai với sản lượng chế biến ban đầu 10.000 tấn/năm cho sản phẩm tiêu sạch ASTA 500g/l, 550g/l và 600 g/l. Tiêu chuẩn ASTA là tiêu chuẩn trong đó Hồ tiêu sẽ cần đạt những tiêu chuẩn như sau:

Bảng 12: Các tiêu chuẩn trong ASTA

STT	CHỈ TIÊU	TIÊU CHUẨN
1.	Dung trọng	570g/lít cho tiêu đen và 630g/lít cho tiêu trắng
2.	Độ ẩm	≤ 12,5%
3.	Tạp chất	≤ 1%
4.	Hạt nhẹ	≤ 2%
5.	Hạt mốc	≤ 1%
6.	Chất thải động vật	≤ 1mg/lb (454g)
7.	Chất thải khác	≤ 5mg/lb
8.	Sâu mọt	≤ 2 con/lb
9.	Salmonella	Không có
10.	Cỡ hạt trên sàng \$ 5mm	100%
11.	Phương thức làm sạch	Làm sạch bằng hơi nước nóng

Nguồn: Hiệp hội Tiêu thế giới

Hình 5: Dây chuyền chế biến tiêu theo tiêu chuẩn ASTA



Nguồn: SINO

II. PEPPER

Products.

Pepper Products
Quality: FAQ and ASTA
- 500 gr/l
- 550 gr/l
- 570 gr/l
- 600 gr/l
- 630 gr/l

Pepper Products grown in ChuSe, Gia Lai Province, Vietnam

Pepper Processing Factory- HAKINVEST Gia Lai

Pepper Processing Line- ASTA Quality

Năm 2015, dự kiến Công ty lắp thêm 1 dây chuyền chế biến tiêu tiêu chuẩn ASTA+, công nghệ Hà Lan để xuất sang Mỹ, Châu Âu. Với công nghệ ASTA+ tỉ suất lợi nhuận biên sẽ tăng mạnh, trong khi rủi ro là ít do đặc thù của tiêu là lưu kho càng lâu thì chất lượng dung trong (Gr/l) càng tăng; trong khi nhu cầu của tiêu vẫn đang rất mạnh.

6.5.2 Dây chuyền chế biến ngô, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi

Các kho và nhà máy chế biến nông sản của Hakinvest được đặt ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên, nơi có nguồn nguyên liệu nông sản dồi dào, đặc biệt là sẵn nhằm thuận lợi cho việc thu mua, chế biến và xuất khẩu.



Hình ảnh dây chuyền chế biến ngô

6.5.3 Dây chuyền chế biến gạo

Hiện tại, Hakinvest đang sở hữu tổ hợp chế biến lương thực và nông sản tại Gia Lai với dây chuyền chế biến gạo xuất khẩu có công suất 20.000 tấn/năm. Đây là hệ thống dây chuyền công nghệ hiện đại, tự động hóa cao. Hệ thống đồng bộ từ khâu làm sạch, đánh bóng cho đến tách màu, tách sạn và phân loại sản phẩm.

III. RICE

Products.

- Rice products
- Quality: 25%- 35% Broken
- Long grain rices
- Medium grain rices
- Jasmine rices
- Glutinous rices
- Round rices

Rices grown in Mekong river, Vietnam and in Center of Vietnam

Rice Processing Factory- HAKINVEST Binh Dinh

Rices Processing Lines- HAKINVEST

Hình ảnh dây chuyền chế biến gạo theo tiêu chuẩn xuất khẩu

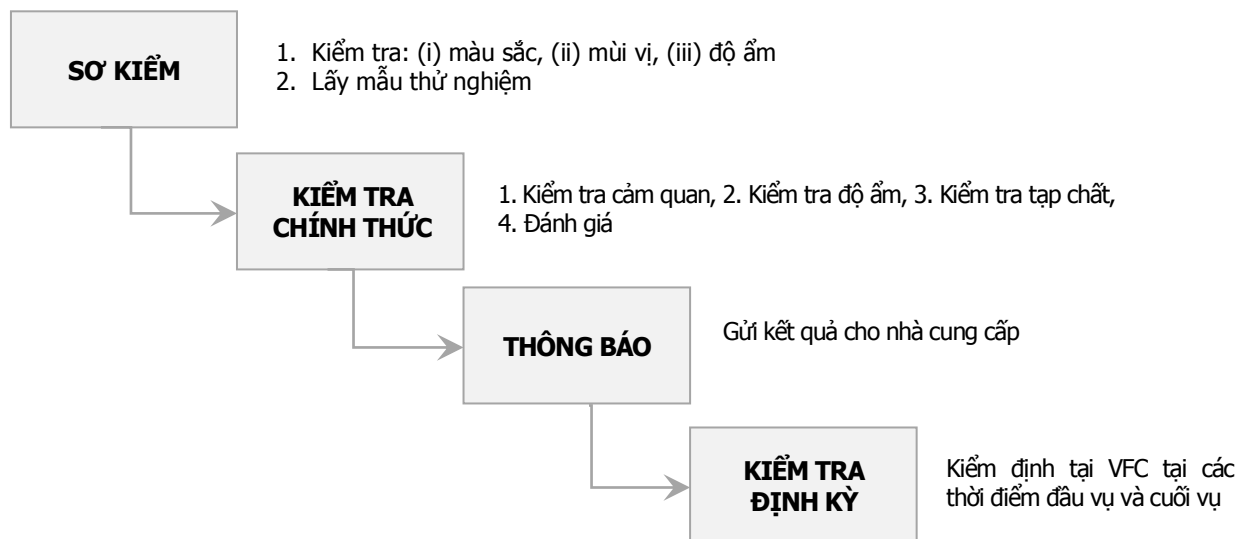
6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trên cơ sở điều tra khảo sát thị trường và tìm hiểu nhu cầu khách hàng, Công ty đã và đang tiếp tục nghiên cứu tìm hiểu các nhu cầu mới của khách hàng, tìm hiểu và phát triển sản phẩm mới, áp dụng cải tiến kỹ thuật mới tiên tiến trong và ngoài nước. Tìm kiếm các nhu cầu khác nhau của từng khách hàng để có cách thức triển khai mới phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Các sản phẩm nông sản của Hakinvest đều được bảo đảm chất lượng qua công tác kiểm tra theo tiêu chuẩn hoá tại từng khâu, từ thu mua cho tới lưu kho, bảo quản, chế biến, xuất bán theo các bước:

Hình 6: Các bước kiểm tra chất lượng sản phẩm



Nguồn: CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

6.8 Hoạt động marketing

Qua 06 năm hoạt động, Hakinvest đã xây dựng được thương hiệu mạnh trên thị trường chế biến và xuất khẩu nông sản ở một số lĩnh vực điển hình, như (i) đứng trong Top 5 các doanh nghiệp xuất khẩu sản lát của Việt Nam trong năm 2014 từ Cảng Quy Nhơn và (ii) là nhà cung ứng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi uy tín cho các nhà máy trong nước.

Chiến lược marketing và bán hàng của Công ty đi sâu vào chất lượng sản phẩm tạo sự khác biệt, như với sản phẩm hồ tiêu, tuy là doanh nghiệp “đi sau” trong lĩnh vực này nhưng Công ty đã mạnh dạn đầu tư vào công nghệ chế biến sâu, tạo ra các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng và có tính cạnh tranh cao.

Về quảng bá thương hiệu, thương hiệu Hakinvest được quảng bá thông qua (i) các kênh như website Công ty, các trang thương mại điện tử như alibaba.com, agromart.com.vn, vietgo.vn v.v, (ii) hoạt động trực tiếp của Phòng Kinh doanh trong công tác phát triển các bạn hàng trong nước và quốc tế; (iii) kênh thương vụ và tham tán của Việt Nam ở nước ngoài, (iv) các hội chợ triển lãm sản phẩm, các hội nghị khách hàng với các sản phẩm mà Công ty kinh doanh.

Hoạt động marketing hiệu quả giúp Hakinvest có được hệ thống bạn hàng lớn và rộng khắp cả trong nước và quốc tế, đảm bảo dung lượng thị trường cho năng lực sản xuất gấp nhiều lần năng lực hiện có của Công ty.

Sắn lát

Công ty đã thiết lập quan hệ với hàng chục khách mua là các nhà máy sản xuất cồn Ethanol trong nước và quốc tế với nhu cầu mua của bạn hàng lên đến triệu tấn sắn lát/năm.

Mạng lưới khách hàng xuất khẩu của Hakinvest tập trung tại các nước Trung Quốc, Hồng Kông, Thụy Sĩ. Với thị trường trong nước, Công ty là bạn hàng của Công ty Tùng Lâm và PV Alcohol Production.

Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi

Hakinvest có quan hệ với 18 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi với nhu cầu lên tới triệu tấn nguyên liệu/năm gồm các mặt hàng như ngô, cám gạo, khô đậu tương, cám mỳ., tuy nhiên, do Công ty mới đang đầu tư hoàn thiện thêm hệ thống cơ sở chế biến (sấy và sàng tuyển) nguyên liệu nên mới đáp ứng được một lượng nhỏ nhu cầu của khách hàng.

Các khách hàng Công ty đã thiết lập quan hệ là những nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi lớn trong nước và trên thế giới như NewHope (Trung Quốc), ANT (Đài Loan), PROCONCO (Việt Nam), EASTHOPE (Trung Quốc), CP (Thái Lan), UniPresident (Đài Loan), GoldCoin (Singapore) và Dabaco (Việt Nam).

Gạo

Công ty đã xây dựng được mạng lưới tiêu thụ gạo hạt trung với các đại lý tại 02 tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk và các nhà máy sản xuất bia rượu trong nước như Nhà máy bia Sabeco Quy Nhơn, Sabeco Tuy Hòa, Sabeco Đắk Lắk, Đại lý mua gạo biên mậu Trung-Việt.

Trên thị trường xuất khẩu, Công ty hiện đang duy trì một số hợp đồng xuất khẩu gạo hạt dài đi Hong Kong, Haiti và Jamaica. Ngoài ra, Công ty có thể phát triển thêm hợp các đồng xuất khẩu sang Trung Quốc và Châu Âu với sản lượng lớn.

Các đối tác chính của Công ty**Bảng 13: Một số đối tác chính của Công ty**

STT	Khách hàng	Quốc gia	Sản phẩm
1	Berkeker Robert Krek	Phần Lan	Gạo
2	TeemLink LTD	Hồng Kông	Gạo
3	Sabeco Quy Nhơn	Việt Nam	Gạo
4	Sabeco Đắk Lắk	Việt Nam	Gạo
5	Minermet SA	Thụy Sĩ	Gạo, sắn lát
6	L&Z Shanghai LTD	Trung Quốc	Sắn lát
7	Shenzen Four Gardener Grain Co LTD	Trung Quốc	Sắn lát
8	Shandong Kunda Biotechnology	Trung Quốc	Sắn lát
9	JiangShu LianHai Biological Technology Co., LTD	Trung Quốc	Sắn lát
10	Sinochem Qingdao free trade zone Co.,LTD	Trung Quốc	Sắn lát
11	Công ty TNHH Tùng Lâm	Việt Nam	Sắn lát

STT	Khách hàng	Quốc gia	Sản phẩm
12	PV Alcohol Production JSC	Việt Nam	Sắn lát
13	NEWHOPE	Trung Quốc	Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi
14	PROCONCO	Việt Nam	Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi
15	GREENFEED	Việt Nam	Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi
16	DABACO	Việt Nam	Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi
17	CP	Thái Lan	Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi
18	EASTHOPE	Trung Quốc	Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi
19	UNI - PRESIDENT	Đài Loan	Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi
20	GOLDCOIN	Singapore	Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi
21	EL HADI MOHAMED MIMMUN LTD	Tây Ban Nha	Hồ tiêu
22	INTER BAHAT ITH SAN VE LTD STI	Thổ Nhĩ Kỳ	Hồ tiêu
23	PACIFIC TRADEWAY CO.	Mỹ	Hồ tiêu
24	AGRO INT'L CORP	Mỹ	Hồ tiêu
25	BUNGEE AGRI BUSINESS	Mỹ	Hồ tiêu
26	CANADA GRAIN ALGERIA	Algeria	Hồ tiêu

Nguồn: CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

6.9 **Nhãn hiệu thương mại**

Logo và nhãn hiệu của CTCP Nông nghiệp và thực phẩm Hà nội Kinh Bắc



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty tính đến thời điểm hiện tại. Hiện nay, Logo và nhãn hiệu của công ty chưa thực hiện đăng ký bản quyền.

6.10 Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện**Bảng 14: Các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện**

TT	Tên đơn vị	Thời gian thực hiện	Mặt hàng	Giá trị HĐ (Nghìn VNĐ)
1	Handsome Chemical Development LTD	Năm 2013	Sắn lát xuất khẩu	31.696.397
2	JiangShu LianHai Biological technology Co., LTD	Năm 2013	Sắn lát xuất khẩu	39.259.363
3	Temlink LTD	Năm 2013	Gạo xuất khẩu	38.834.160
4	Minermet S.A	Năm 2013	Sắn lát xuất khẩu	31.437.000
5	Sinochem Qingdao free trade zone Co.,LTD	Năm 2014	Sắn lát xuất khẩu	47.873.567
6	Công ty TNHH ANT	Năm 2014	Ngô hạt trong nước	45.872.257
7	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam	Năm 2014	Sắn và ngô nội địa	124.562.934
8	Shandong Zhenlong Bio	Năm 2014	Sắn lát xuất khẩu	41.834.583
9	Công ty A&D LTD	Năm 2014	Sắn lát xuất khẩu	46.830.000
10	Công ty TNHH Tùng Lâm	Năm 2014	Sắn lát nội địa	24.491.500
11	Công ty A&D LTD	Năm 2014	Sắn lát xuất khẩu	93.336.000
12	Công ty L&Z Ltd	Năm 2015	Sắn lát xuất khẩu	519.000.000
13	NanNing SuiZhang Trading Co. Ltd	Năm 2015	Sắn lát xuất khẩu	415.520.000
14	Fail Distribution et services	Năm 2015	Tiêu xuất khẩu	19.272.600
15	MINERMET S.A	Năm 2015	Tiêu xuất khẩu	85.000.000
16	Sheng Kimn Hong SDN.BHD	Năm 2015	Tiêu xuất khẩu	4.374.000
17	MINERMET S.A	Năm 2015	Sắn lát xuất khẩu	519.000.000

Nguồn: CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

7. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

7.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm (từ 2013 đến 2014)

Bảng 15: Bảng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị: Đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% +/-
1.	Tổng giá trị tài sản	109.657.931.479	266.177.564.817	142,73%
2.	Vốn chủ sở hữu	47.538.110.415	174.298.916.797	266,65%
3.	Doanh thu thuần	393.667.521.811	455.105.603.719	15,61%
4.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.812.395.173	24.613.245.015	545,61%
5.	Lợi nhuận khác	(146.590.403)	144.677.445	-
6.	Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.665.804.770	24.755.922.460	575,32%
7.	Lợi nhuận kế toán sau thuế	2.708.795.246	19.045.806.382	603,11%
8.	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	76,13% ¹	-
9.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	7,49%	17,17%	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

Nhìn chung, trong năm 2013 – 2014, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đã có sự tăng trưởng cả về quy mô và chiều sâu như định hướng của Ban Lãnh đạo Công ty.

Tổng tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm cuối năm 2014 tăng tương ứng 142,73% và 266,65% so với năm 2013 là do trong năm Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ và đầu tư tài sản cố định. Cụ thể, trong năm 2014 công ty đã tăng vốn chủ sở hữu từ 45 tỷ đồng lên 157,215 tỷ đồng để đầu tư dây chuyền chế biến ngô, hồ tiêu và bổ sung vốn lưu động.

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 đã có sự tăng trưởng ấn tượng so với năm 2013. Tuy doanh thu thuần của năm 2014 tăng 61,4 tỷ đồng, tăng trưởng 15,61% so với năm 2013, nhưng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 545,61%, tương ứng tăng 20,8 tỷ đồng. Sở dĩ lợi nhuận của Công ty năm 2014 tăng trưởng đột biến, là do trong năm 2014 Công ty đã thực hiện tốt chính sách chi phí, đặc biệt là giá vốn hàng bán. Tỷ lệ Giá vốn hàng bán trên Doanh thu thuần năm 2014 đạt 85,14% giảm tương đối so với năm 2013 là 88,86%, về mặt giá trị giảm 37,7 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, do có sự tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô vốn, từ đó năng lực vốn lưu động được đẩy mạnh, dẫn tới chi phí tài chính năm 2014 giảm 7,45% so với năm 2013. Trong khi đó, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng không đáng kể, tăng 3,81% so với năm 2013.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là 200 tỷ đồng, với sự chuẩn bị chủ động, sẵn sàng về nguồn vốn cũng như năng lực sản xuất, Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng sẽ có sự phát triển lớn mạnh cả về doanh thu và lợi nhuận trong năm 2015 và trong các năm tiếp theo.

¹ Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014, Công ty đã trả cổ tức bằng cổ phiếu 10% cho cổ đông hiện hữu và dự kiến sẽ trả nốt 5% còn lại trong năm 2015.

7.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014

Những khó khăn cơ bản

➤ Tình hình kinh tế trong và ngoài nước:

Trong giai đoạn vừa qua nông nghiệp Việt Nam phát triển một cách mạnh mẽ và thiếu quy hoạch, việc sản xuất cây trồng và vật nuôi chủ yếu theo phong trào nên thường xuyên dẫn đến hiện tượng được mùa – mất giá và ngược lại. Điều này xảy ra ở hầu hết các ngành hàng trong lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam, đây là hệ quả của việc chia nhỏ ruộng đất cho nông dân những năm trước kia.

➤ Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp còn hạn chế. Mức đầu tư cho nông nghiệp những năm gần đây chỉ đạt khoảng 100.000 tỷ đồng/năm trên tổng vốn đầu tư ngân sách nhà nước. Nhiều chuyên gia kinh tế và chuyên gia nông nghiệp nhận định rằng mức đầu tư cho nông nghiệp hiện nay mới chỉ đáp ứng được một nửa nhu cầu của ngành, điều này chưa xứng tầm với một ngành có vai trò là “tấm đệm” đưa nền kinh tế đất nước vượt qua hai cuộc khủng hoảng kinh tế vừa qua.

➤ Sản phẩm nông nghiệp:

Sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam hiện nay vẫn chủ yếu ở dạng thô, chưa đem lại giá trị gia tăng nhiều cho lĩnh vực này. Trong 30 năm qua, nông nghiệp Việt Nam chủ yếu phát triển theo hướng quan tâm đến năng suất, sản lượng, số lượng mà chưa quan tâm nhiều đến chất lượng, công nghệ sau thu hoạch, bảo quản hàng hóa và chế biến thành phẩm, là phân khúc đem lại giá trị gia tăng cao hơn nhiều lần. Đây chính là một trong những nguyên nhân khiến sản phẩm nông nghiệp nước ta chưa đi vào được các thị trường lớn như Mỹ, EU..., chủ yếu vẫn phụ thuộc lớn vào thị trường Trung Quốc.

Khối liên kết tạo giá trị chuỗi trong nông nghiệp từ các khâu nghiên cứu phát triển, dịch vụ, trồng trọt chăn nuôi, chế biến, phân phối cũng chưa hình thành tại Việt Nam. Đơn cử như thống kê của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, năm 2013 người chăn nuôi lỗ 20.000 tỷ đồng nhưng các đơn vị sản xuất thức ăn chăn nuôi và nhà phân phối thu lãi đến hàng tỷ USD, điều này chứng minh nông nghiệp Việt Nam chưa tạo được bình đẳng trong phân phối chuỗi giá trị/lợi nhuận giữa các bên tham gia để cùng nhau phát triển bền vững.

Kinh tế thế giới và Việt Nam vừa trải qua một giai đoạn hết sức khó khăn và mới chỉ bắt đầu phục hồi nên vẫn còn rất nhiều những thử thách trong thời gian tới. Ngành công nghiệp xây dựng nhìn chung vẫn chưa hoàn toàn hồi phục, kéo theo đầu ra cho sản phẩm vật liệu xây dựng cũng bị thu hẹp lại trong thời gian qua.

Hiện tại, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty chưa đủ lớn để đáp ứng đầy đủ các kế hoạch, dự án đầu tư khai thác chế biến vật liệu xây dựng quy mô lớn, Công ty cần tích cực phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh và tìm kiếm nguồn vốn đầu tư cho kế hoạch phát triển giai đoạn tới.

Những thuận lợi cơ bản

- **Chiến lược quốc gia trong nông nghiệp: liên kết 4 nhà vào chuỗi nông nghiệp để đẩy mạnh quy mô sản xuất và ứng dụng khoa học công nghệ.**

Để giải quyết những bất cập trong ngành nông nghiệp như đã ở trên, Chính Phủ đã có đề án tái cơ cấu mạnh cho nông nghiệp Việt Nam, do đó kỳ vọng sẽ có sự chuyển biến và thuận lợi lớn chongành nông nghiệp trong thời gia sắp tới, nhất là khâu liên kết giá trị chuỗi trong nông nghiệp ở quy mô sản xuất tập trung. Ngoài ra lĩnh vực Nông nghiệp nói chung và lĩnh vực nông sản nói riêng luôn được Nhà nước quan tâm và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho phát triển.

Gần đây, Nhà nước đã nhận thức được rằng, sứ mệnh trong việc chia nhỏ ruộng đất cho nông dân đã hoàn thành trong giai đoạn lịch sử vừa qua, nay mô hình đó không còn phù hợp với nền kinh tế hàng hóa thị trường nên Chính phủ đã có chủ trương tái cơ cấu trồng trọt nông nghiệp như dồn điền đổi thửa, quy hoạch lại vùng cây trồng, vật nuôi và tạo hành lang pháp lý cho liên kết bốn nhà (Nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp, nông dân) trong chuỗi nông nghiệp. Chủ trương này sẽ kiến tạo được không gian cho quy mô sản xuất lớn và tập trung để có thể đưa công nghiệp hóa và ứng dụng khoa học hiệu quả hơn vào sản xuất nông nghiệp. Chính sách này hiện đang được các doanh nghiệp và người nông dân đồng tình vì có thể tạo ra sân chơi liên kết doanh nghiệp và nhà nông cùng tham giaphát triển và chia sẻ lợi nhuận.

Tại một số địa phương, mỗi liên hệ giá trị chuỗi “4 nhà” trong nông nghiệp đang dần hình thành và một số mô hình đã thành công như “Mô hình cánh đồng mẫu lớn của Nông trường Sông Hậu và Công ty bảo vệ thực vật An Giang” trong lĩnh vực trồng lúa và xuất khẩu gạo. Với mô hình này, doanh nghiệp chịu trách nhiệm cung ứng vật tư, chế biến và lo đầu ra, nhà khoa học là người nghiên cứu giống và hướng dẫn ứng dụng khoa học theo đơn hàng của doanh nghiệp, nhà nông chính là cổ đông sáng lập cùng doanh nghiệp tham gia vào khâu sản xuất, cùng được hưởng lợi từ khâu chế biến và xuất khẩu, còn nhà quản lý thực hiện vai trò hỗ trợ, giám sát đảm bảo tuân thủ giữa các bên.

- **Chính sách hỗ trợ cho nông nghiệp: nhiều ưu đãi vốn từ nguồn tín dụng và nguồn vốn nước ngoài**

Về nguồn vốn cho sản xuất nông nghiệp, trong những năm gần đây, tỷ trọng và mức độ tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng thương mại dành cho khu vực nông nghiệp đang tăng dần, khi bối cảnh các ngành khác của nền kinh tế đang trì trệ như công nghiệp, bất động sản, xây dựng...Ngoài nguồn vốn trong nước, các nguồn vốn ngoại như các quỹ đầu tư của Singapore như GIC và The Asian Entrepreneur Legacy rất quan tâm đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm của Việt Nam.

Những yếu tố thuận lợi trên đã tạo điều kiện cho một số doanh nghiệp trong ngành mạnh dạn đầu tư phát triển phân khúc chế biến sâu, tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, có thể thâm nhập vào các thị trường lớn, đòi hỏi tiêu chuẩn cao, đem lại giá trị gia tăng. Đây cũng là định hướng mà Hakinvest đặt ra và đang từng bước thực hiện. Do chưa nhiều doanh nghiệp chú trọng đến khâu chế biến nông sản sau thu hoạch, nên đây là cơ hội cho Công ty tập chung vào phân khúc chế biến nông sản nhằm tạo giá trị gia tăng cao ở công đoạn này. Đây cũng là chiến lược hiện tại Công ty đang tập chung đầu tư mạnh vào công nghệ chế biến nông sản để sản xuất ra hàng xuất khẩu.

- **Sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương:**

Sự quan tâm và chỉ đạo kịp thời của các cấp lãnh đạo, ban ngành địa phương nơi triển khai hoạt động khai thác và chế biến sản phẩm của Công ty là điểm tựa và động lực để doanh nghiệp thực hiện tốt chiến lược kinh doanh của mình, góp phần vào chiến lược phát triển kinh tế xã hội nói chung của địa phương

8. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Sau 5 năm hoạt động trong lĩnh vực suất khẩu nông sản, Hakinvest có nhiều thế mạnh so với các doanh nghiệp cùng ngành, đó là:

- Chiến lược phát triển rõ ràng, bài bản, phù hợp với định hướng phát triển ngành nông nghiệp Việt Nam.
- Hệ thống quản trị hiện đại, các quy trình, quy chuẩn sản xuất đều được quy trình hoá, hệ thống quản trị tài chính kế toán tập trung giúp kiểm soát tốt, tránh thất thoát ở các khâu.

Thế mạnh của Công ty được thể hiện rõ nét qua các mảng sau:

Đầu tư

HAKINEST có chiến lược đầu tư rõ ràng cho từng phân khúc nhóm hàng và lợi thế địa phương như: Mặt hàng cây công nghiệp (hạt tiêu, café, đậu, đỗ- được chế biến tại Nhà máy Chế biến Nông sản HAKINVEST-Gia Lai), Mặt hàng nông sản, gạo xuất khẩu và nguyên liệu SX thức ăn chăn nuôi (sắn lát, ngô, cám gạo, gạo được thu mua và chế biến tại Nhà máy Chế biến Nông sản HAKINVEST-Bình Định). Các nhà máy chế biến và hệ thống kho bãi của Công ty hiện có thuộc hàng lớn hơn so với đối thủ cùng ngành, đảm bảo đáp ứng tối đa năng lực thu mua, chế biến để xuất bán cho bạn hàng.

Tài chính

Công ty được sự ủng hộ lớn từ các đối tác tài chính như Ngân hàng VIETCOMBANK, Ngân hàng SHB, Ngân hàng ANZ, Ngân hàng OCEAN BANK cung cấp tín dụng tài trợ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Nhà máy, kho bãi

Vị trí địa lý các nhà máy và kho bãi đều ở các địa phương có nguồn nguyên liệu dồi dào, thuận lợi cho thu mua nguyên liệu và tiêu thụ đầu ra như Gia Lai, Bình Định.

Ban Tổng Giám đốc

Ban giám đốc với kinh nghiệm gần 20 năm trong lĩnh vực thu mua và xuất khẩu nông sản đã tạo dựng cho Công ty hệ thống thu mua rộng lớn, ổn định với hàng chục đại lý và hàng trăm hộ nông dân cung ứng trực tiếp về các nhà máy của Công ty tại các khu vực Tây Nguyên, Miền Trung, Đồng bằng sông Cửu Long.

Công tác thị trường

Công tác thị trường tốt với hệ thống bạn hàng cả nội địa và xuất khẩu, trong đó xuất khẩu là chủ lực, cho các ngành hàng chính đang kinh doanh. Quy mô thị trường và bạn hàng mà Công ty đã và đang khai thác đảm bảo dung lượng thị trường cho công suất sản xuất và kinh doanh gấp 10 lần năng lực hiện có.

Những thế mạnh trên giúp HAKINVEST ngày càng gia tăng vị thế của mình trong lĩnh vực xuất khẩu nông sản, tạo tiền đề vững chắc cho các bước phát triển tiếp theo của Công ty.

8.2 Triển vọng phát triển ngành

Việt Nam cơ bản vẫn là một nước nông nghiệp, dân cư sống trong vùng nông nghiệp – nông thôn chiếm tới 70% dân số và lực lượng lao động trong nông nghiệp chiếm 60% tổng lực lượng lao động xã hội. Sau mở cửa kinh tế, nông nghiệp Việt Nam đã phát triển rất nhanh, từ một nước thiếu thốn lương thực trở thành một nước xuất khẩu lớn các mặt hàng nông – lâm – thủy sản trên bản đồ nông

ngành thế giới, ngành Nông nghiệp đã đóng góp kim ngạch xuất khẩu khoảng 30 tỷ USD trong năm 2014. Năm 2015, kỳ vọng xuất siêu nông nghiệp có thể “chạm tay” ở mức 12 tỷ USD.

Mặc dù tốc độ tăng trưởng bình quân ngành còn chưa cao, ở mức 4% - 5%/năm, tuy nhiên với vai trò quan trọng trong ổn định việc làm, kinh tế, chính trị, xã hội và đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, lĩnh vực nông nghiệp còn rất nhiều tiềm năng phát triển. Các sản phẩm nông nghiệp là các nhu yếu phẩm cần thiết, vì vậy, ngành nông nghiệp có tính ổn định cao so với nhiều ngành nghề kinh doanh khác. Mặt khác, nhu cầu cho các mặt hàng lương thực và nông sản ngày càng tăng cùng với sự gia tăng quy mô dân số thế giới, nhưng nguồn cung các mặt hàng này ngày càng hạn hẹp do đất đai cho sản xuất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp bởi công nghiệp và đô thị hoá, tốc độ tăng dân số quá nhanh và vấn đề biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng tiêu cực đến trồng trọt nói riêng và nông nghiệp nói chung.

Nông nghiệp Việt Nam mới phát triển ở giai đoạn sơ cấp và chủ yếu đang xuất bán sản phẩm dưới dạng thô nên còn rất nhiều triển vọng và dư địa phát triển cho việc đầu tư vào những lĩnh vực như **chế biến, sản xuất và kinh doanh** ở cả quy mô nhỏ và lớn nhằm khai thác giá trị gia tăng của ngành.

Đối với HKB, triển vọng phát triển của sản phẩm sẵn và tiêu đóng vai trò then chốt đối với sự phát triển của Công ty bởi đây là 2 sản phẩm mũi nhọn đem lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

8.2.1 Triển vọng phát triển Sẵn

Nhu cầu sử dụng sẵn làm Xăng sinh học (E5 đến E15) tăng mạnh trong các năm qua

Xăng sinh học E5 hiện đang bán trên thị trường Việt Nam là hỗn hợp gồm 5% cồn ethanol và 95% xăng thông thường. Nhiên liệu sinh học này đang được thế giới chú trọng phát triển do các lợi ích của loại nhiên liệu này mang lại như (i) hàm lượng khí thải độc hại như CO và HC ít hơn 20% so với xăng A92 hay A95, (ii) tỷ lệ octan cao hơn so với nhiên liệu hóa thạch giúp quá trình cháy trong động cơ diễn ra triệt để hơn, (iii) giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch.

Chính vì các lợi ích lớn do xăng sinh học mang lại nên các nước phát triển như Mỹ, Trung Quốc, Brazil, v.v, đều có những điều khoản bắt buộc phải đưa các loại nhiên liệu sinh học vào nhiên liệu hóa thạch để làm năng lượng sử dụng.

Sản lượng sẵn của Việt Nam đứng thứ 03 trong khu vực Châu Á và đứng thứ 08 trên thế giới

Theo số liệu của FAO, năm 2014 sản lượng sẵn của Việt Nam đạt 9.750 triệu tấn sẵn tăng 0,07% so với năm 2013. Với sản lượng này, Việt Nam là quốc gia đứng thứ 03 trong khu vực Châu Á về sản lượng sẵn, chỉ sau Thái Lan và Indonesia.

Sẵn và sản phẩm từ sẵn là mặt hàng tăng trưởng nóng trong những năm qua và phụ thuộc vào nhu cầu nhập khẩu của các nước. Hiện nay Trung Quốc là thị trường nhập khẩu sẵn và các sản phẩm từ sẵn lớn nhất của Việt Nam (chiếm 85,6%²) tuy nhiên xuất khẩu sẵn và sản phẩm sẵn sang thị trường Trung Quốc trong năm 2013 chỉ đạt 946,42 triệu USD, giảm 19,8% so với năm 2012.

Trung Quốc là nước nhập khẩu sẵn nhiều nhất thế giới

Trung Quốc hiện là nước nhập khẩu sẵn nhiều nhất thế giới để làm cồn sinh học, tinh bột biến tính, thức ăn gia súc và dùng trong công nghiệp thực phẩm dược liệu. Địa điểm chính tại tỉnh Quảng Tây. Theo tổng cục Hải quan Trung Quốc năm 2014, Trung Quốc đã nhập khẩu khoảng 85 triệu tấn sẵn từ Việt Nam.

² Theo báo cáo của Bộ Công Thương năm 2013

8.2.2 Triển vọng phát triển Hồ tiêu

Việt Nam trong nhiều năm qua vẫn đứng đầu thế giới về xuất khẩu hồ tiêu và chủ động về giá

Vị thế hồ tiêu Việt Nam đã được khẳng định bằng việc giữ vững kỷ lục sản xuất và xuất khẩu số một thế giới suốt 14 năm liền. Nếu như năm 2001, xuất khẩu hồ tiêu mới chỉ trên 50.000 tấn, đạt khoảng 90 triệu USD thì đến năm 2014 đạt trên 150.000 tấn, trị giá trên 1,2 tỷ USD. Từ năm 2008, tốc độ tăng hàng năm đạt 15% – 20%/năm, vượt xa nhiều nước vốn có truyền thống sản xuất, xuất khẩu hồ tiêu lâu đời. Từ năng suất dưới 1 tấn/ha, đến nay năng suất hồ tiêu Việt Nam đạt bình quân từ 2,3 – 2,5 tấn/ha, số diện tích đạt năng suất 5-6 tấn/ha tăng hàng năm, là ngành hàng có hiệu quả cao nhất trong số 5 loại cây công nghiệp lâu năm của Việt Nam. Tuy diện tích chỉ chiếm 2,5% trong tổng số 2 triệu ha trồng cây công nghiệp lâu năm nhưng giá trị xuất khẩu đạt khoảng 20.000 USD/ha hồ tiêu kinh doanh, gấp nhiều lần cây cà phê, chè, điều, cao su, v.v. Thị phần nhập khẩu hồ tiêu Việt Nam vào châu Âu hiện chiếm 34%, châu Á 36%, châu Mỹ 20% và châu Phi 10%. Chính những lợi thế này đã giúp Việt Nam chủ động được giá xuất khẩu Hồ tiêu.

Bảng 16: Các nước xuất khẩu Hồ Tiêu nhiều nhất thế giới (tấn)

Quốc gia	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Vietnam	98.494	109.565	116.670	83.023	90.315	134.405	116.872	123.861	116.800	132.955
Indonesia	44.191	35.055	35.663	38.446	52.407	50.642	62.599	36.487	62.608	47.908
Brazil	42.998	38.416	42.187	38.665	36.585	35.770	30.761	32.695	29.129	30.605
Sri Lanka	4.851	8.131	8.190	9.009	6.237	6.576	12.225	5.057	10.488	21.328
Ấn Độ	14.049	15.751	26.376	33.941	26.665	21.267	18.487	24.464	18.402	20.137
Malaysia	18.984	16.799	16.605	15.064	13.396	13.124	14.077	14.201	10.588	12.105

Nguồn: Niên giám thống kê Hồ Tiêu năm 2013 của Hiệp hội Tiêu Quốc tế (Pepper Statistical Yearbook 2013)

Bảng 17: Giá Hồ tiêu Việt Nam xuất khẩu đi thế giới (US\$/tấn)

Tháng	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
1	1.333	1.303	1.320	2.265	3.463	2.276	2.891	4.450	6.448	6.480
2	1.241	1.330	1.303	2.364	3.560	2.158	2.795	4.450	6.379	6.650
3	1.310	1.303	1.266	2.457	4.014	1.875	2.792	4.537	6.841	6.514
4	1.283	1.305	1.240	3.290	3.583	1.913	2.821	5.521	6.474	6.350
5	1.319	1.303	1.268	3.859	3.357	1.991	2.889	5.568	6.750	6.311
6	1.284	1.307	1.370	3.615	3.119	2.060	3.107	5.750	6.464	6.190
7	1.318	1.297	1.691	3.634	2.868	2.094	3.702	5.859	6.456	6.125
8	1.337	1.299	2.046	3.329	2.847	2.639	3.885	6.157	6.441	6.174
9	1.331	1.306	2.784	3.255	2.806	2.693	3.950	7.385	6.525	6.690
10	1.346	1.304	2.816	3.336	3.084	2.750	3.950	7.950	6.470	6.850

11	1.353	1.303	2.333	3.320	2.719	2.895	4.413	7.225	6.407	6.895
12	1.376	1.303	2.360	3.190	2.310	2.925	4.474	6.988	6.350	7.365

Nguồn: Niên giám thống kê Hồ Tiêu năm 2013 của Hiệp hội Tiêu Quốc tế (Pepper Statistical Yearbook 2013)

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Chính phủ Việt Nam xác định nông nghiệp là lĩnh vực có nhiều tiềm năng và lợi thế cạnh tranh nên dành nhiều chính sách ưu đãi cho lĩnh vực nông nghiệp như chủ trương "Tái cơ cấu nông nghiệp và phát triển nông thôn mới" rất phù hợp cho "sân chơi" của doanh nghiệp, các nghị định như Nghị định 41/2010/NĐ-CP về cho vay vốn Nông nghiệp, Nghị định số 210/2013/NĐ-CP quy định các ưu đãi cho đầu tư phát triển ngành nông nghiệp và nông thôn...

Theo Quyết định 124/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, nông nghiệp sẽ chiếm 64,7% trong cơ cấu ngành nông – lâm – thủy sản; tốc độ tăng trưởng GDP bình quân ngành từ 3,5% - 4%/năm; tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất 4,3% - 4,7%/năm; kim ngạch xuất khẩu nông – lâm – thủy sản đạt 40 tỷ USD, trong đó nông nghiệp 22 tỷ USD, lâm nghiệp 7 tỷ USD và thủy sản 11 tỷ USD.

Nhận thức rõ tiềm năng và định hướng phát triển ngành nông nghiệp Việt Nam, HAKINVEST lựa chọn nông nghiệp là ngành nghề kinh doanh cốt lõi cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2009 – 2020, từ đó phát triển thêm giá trị chuỗi từ ngành này là mở rộng sang các sản phẩm Năng lượng sinh học và chế biến Công nghiệp Thực phẩm cho các giai đoạn tiếp theo. Công ty đã xây dựng định hướng chiến lược phát triển sản xuất và kinh doanh theo các giai đoạn cụ thể, đó là:

Giai đoạn 1 (Từ năm 2009 tới năm 2012): Tạo lập thị trường và phát triển thương hiệu.

Giai đoạn 2 (Từ năm 2013 tới năm 2020): Phát triển năng lực cạnh tranh thông qua đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng thị trường, đầu tư chiều sâu vào công nghệ chế biến tinh tạo giá trị gia tăng cao.

Giai đoạn 3: (từ 2020 → về sau): Tham gia vào các dự án phát triển bền vững trong nông nghiệp (dự án trồng trọt và phát triển vùng nguyên liệu nông sản ở quy mô công nghiệp) và mở rộng sang lĩnh vực mới có giá trị chuỗi từ Nông nghiệp như sản xuất năng lượng sinh học và năng lượng xanh, chăn nuôi và chế biến thực phẩm ở quy mô công nghiệp).

Định hướng này hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển ngành nông nghiệp của Việt Nam.

9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG**9.1 Chất lượng nguồn nhân lực**

Là một yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một tổ chức. Do vậy, Công ty luôn đặt định hướng xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, có mong muốn cống hiến lâu dài.

Số lượng nhân viên Công ty tăng dần qua các năm với mức lương trung bình ngày càng được cải thiện. Số lượng người lao động tại thời điểm 31/12/2014 chi tiết như sau:

Bảng 18: Cơ cấu lao động của Công ty tại 31/12/2014*Đơn vị: Người*

Cơ cấu lao động	Số lượng
Tổng số lao động có tên trong doanh nghiệp (nhân viên Công ty)	28
Trong đó:	
• Số lao động có trình độ Đại học, trên Đại học	16
+ Lao động nam	10
+ Lao động nữ	6
• Số lao động có trình độ Trung học, Cao đẳng	10
+ Lao động nam	8
+ Lao động nữ	2
• Số lượng công nhân đã qua đào tạo	2
+ Lao động nam	2
+ Lao động nữ	0
Lao động thời vụ: Công nhân bốc xếp, đóng bao, thu mua tại vườn, nương...	200

*Nguồn: CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc***9.2 Chính sách đối với người lao động****Chế độ làm việc**

- Thời gian làm việc: 8h/ngày và 48h/tuần
- Nghỉ phép, lễ, Tết: nhân viên Công ty được nghỉ theo đúng quy định của Nhà nước
- Nghỉ ốm, thai sản: thời gian và chế độ được hưởng theo đúng quy định của Nhà nước

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng để tạo điều kiện đảm bảo và tốt nhất cho nhân viên. Trang thiết bị để công tác được trang bị đầy đủ để thực hiện tốt công việc. Tiêu chí an toàn lao động luôn được đặt lên hàng đầu trong quá trình làm việc của nhân viên.

Chính sách đào tạo và tuyển dụng*Quy định chung:*

Quy trình tuyển chọn chung gồm có 03 vòng. Các ứng viên phải vượt qua vòng tuyển chọn hiện tại mới được vào phòng tiếp theo.

Lựa chọn hồ sơ:

Vòng lựa chọn hồ sơ nhằm xem xét tính phù hợp của các hồ sơ ứng viên so với yêu cầu của vị trí cần tuyển dụng. Tất cả các ứng viên có hồ sơ được lựa chọn sẽ được thông báo lịch thi trắc nghiệm muộn nhất trong vòng 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ.

Kiểm tra trắc nghiệm:

Các môn thi chung: áp dụng cho tất cả các vị trí, bao gồm:

1. IQ – Kiểm tra tư duy logic ;
2. Tiếng Anh, Tin học;
3. Thi chuyên môn theo yêu cầu của từng vị trí.

Phỏng vấn:

Đây là lần gặp gỡ chính thức đầu tiên giữa ứng viên và Công ty. Thông qua buổi phỏng vấn này, Công ty có thêm các thông tin để đánh giá xem ứng viên có thực sự phù hợp với yêu cầu của công việc cần tuyển hay không. Một số vấn đề chính Công ty thường xem xét đến như: Khả năng giao tiếp, khả năng làm việc (độc lập hay theo nhóm) khả năng tổ chức công việc và lập kế hoạch, khả năng tư duy và giải quyết vấn đề, kiểm tra lại một số thông tin trong hồ sơ: Quá trình học tập, kinh nghiệm, kỹ năng... Trong buổi phỏng vấn này, các ứng viên cũng có thể hỏi Công ty các vấn đề liên quan. Tùy từng ứng viên và vị trí có thể có nhiều hơn một buổi phỏng vấn. Ứng viên được lựa chọn sẽ nhận được thông báo trong vòng 10 ngày kể từ ngày phỏng vấn.

Thỏa thuận hợp đồng:

Các ứng viên được lựa chọn qua vòng phỏng vấn sẽ được hẹn tiếp một buổi để thỏa thuận về hợp đồng lao động và các vấn đề liên quan, bao gồm: loại hợp đồng, công việc, mức lương, thời gian làm việc. Mọi việc tiếp theo được thực hiện theo hợp đồng lao động và hướng dẫn của cán bộ phụ trách trực tiếp và cán bộ Nhân sự

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Tiền lương được thỏa thuận hoặc theo lương khoán tại Công ty, trong đó đã bao gồm mức lương chính đóng BHXH. Tổng quỹ lương của Công ty do Tổng giám đốc trình và Hội đồng quản trị quyết định, đảm bảo cho việc trả lương trong Công ty không thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Tiền lương chính của người lao động do hai bên thỏa thuận. Các khoản phụ cấp nếu có thực hiện theo các quy chế của Công ty. Quỹ tiền lương của Công ty bao gồm quỹ tiền lương tính theo đơn giá lương khoán của người lao động và quỹ tiền lương dự phòng. Trong đó:

- Quỹ tiền lương khoán của người lao động do Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Quỹ tiền lương dự phòng của Công ty (QTLDP), là phần còn lại của quỹ tiền lương thực hiện của Công ty sau khi trừ đi quỹ tiền lương khoán. Quỹ tiền lương dự phòng được dùng để dự phòng cho việc biến động trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; dùng để chi cho người lao động nhân ngày lễ, ngày Tết; hỗ trợ cho các đơn vị để chi trả tiền lương tối thiểu cho người lao động (nếu thiếu).

Căn cứ khả năng đóng góp của người lao động và khả năng tài chính của Công ty, Hội đồng quản trị xem xét giải quyết nâng lương cho người lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hàng năm công ty áp dụng chế độ thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc với mức thưởng từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng cho các cá nhân và tập thể xuất sắc. Bên cạnh đó công ty thực

hiện chế độ thưởng theo tháng, quý và năm để động viên người lao động hăng say làm việc. Chế độ phụ cấp được chia thành 2 loại: phụ cấp công việc và phụ cấp trách nhiệm

Phụ cấp công việc áp dụng cho các vị trí làm việc có tính chất đặc biệt theo quy định của công ty với mức phụ cấp tính bằng 10% - 30 % lương của người đảm nhiệm.

10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn và một phần nguồn tiền cho tái đầu tư vào công nghệ sản xuất và chế biến.

Bảng 19: Tình hình cổ tức từ năm 2012 – 2014

Tiêu chí	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Tỷ lệ cổ tức (%)	0%	0%	15%
Hình thức chi trả	-	-	15% bằng cổ phiếu

Nguồn: CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

11. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH**11.1 Các chỉ tiêu cơ bản**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

11.1.1 Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính như sau:

Nhóm thiết bị	Thời gian
Nhà cửa vật kiến trúc	15 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014 của Công ty

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

11.1.2 Mức lương bình quân

- Lương bình quân năm 2013 của công nhân sản xuất tại nhà máy: 4.000.000 đồng/ tháng
- Lương bình quân năm 2013 của khối hành chính: 6.000.000 đồng/ tháng

Công ty luôn đảm bảo trả đúng hạn, đầy đủ cho cán bộ công nhân viên. Mức lương bình quân này được đánh giá là tương đối cao so với mức lương bình quân trong ngành.

11.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng, các nhà cung cấp.

11.1.4 Các khoản phải nộp theo quy định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Bảng 20: Bảng tổng hợp nộp ngân sách Nhà nước giai đoạn 2013 – 2014*Đơn vị: Đồng*

Chỉ tiêu (VND)	31/12/2013	31/12/2014
Thuế Giá trị gia tăng	79.050.178	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	925.037.616	6.545.376.329
Tổng	1.004.087.794	6.545.376.329

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty***11.1.5 Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.

Bảng 21: Số dư các Quỹ của Công ty*Đơn vị: Đồng*

Các Quỹ (VND)	31/12/2013	31/12/2014
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-
Tổng cộng	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

Từ khi thành lập đến năm 2014 Công ty chưa thực hiện trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông thống nhất để lại lợi nhuận để bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 ngày 27/01/2015 đã thông qua việc trích lập các quỹ và Công ty sẽ thực hiện trích lập trong năm 2015.

11.1.6 Tổng dư nợ vay

Bảng 22: Tình hình tổng dư nợ vay

Đơn vị: Đồng

Các Quỹ (VND)	31/12/2013	31/12/2014
1. Vay và nợ ngắn hạn	48.663.591.150	63.139.199.940
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng (*)</i>	<i>47.043.570.450</i>	<i>63.139.199.940</i>
<i>Vay đối tượng khác (**)</i>	<i>420.000.000</i>	-
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.200.020.700</i>	-
2. Vay và nợ dài hạn	4.390.738.745	9.768.011.917
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng (*)</i>	<i>4.390.738.745</i>	<i>9.768.011.917</i>
<i>Vay đối tượng khác (**)</i>	-	-
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	-	-
Tổng cộng	53.054.329.895	72.907.211.857

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

(*) Vay ngắn hạn ngân hàng: Tính đến 31/12/2014, tổng vay ngắn hạn ngân hàng của CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc là 63.139.199.940 đồng. Trong đó:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng SHB Chi nhánh Hà Đông theo Hợp đồng số HĐTD số 05/2013/HDHM-PN/SHB.HĐ ngày 30/08/2013, Phụ lục hợp đồng số 02/2014/PLHĐ ngày 04/09/2014 với mức dư nợ tối đa 60.000.000.000 VNĐ tính đến 31/12/2014 còn dư nợ vay : 32.000.000.000 đồng.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Đông Đô theo hợp đồng HĐTD số 0029/2014/HDDTDHM1-OCEANBANK.PGD Đông Đô ngày 16/11/2014 với hạn mức tín dụng 500.000.000.000 VNĐ, thời hạn của hạn mức tín dụng 06 tháng tính đến 31/12/2014 còn dư vay 31.139.199.940 đồng.

Tất cả vốn vay được Công ty đầu tư vào sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất và chất lượng trong sản xuất kinh doanh.

(**) Vay ngắn hạn đối tượng khác: Là khoản của Công ty từ cá nhân, để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

11.1.7 Hàng tồn kho

Bảng 23: Hàng tồn kho

Đơn vị: Đồng

STT	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014
1	Nguyên vật liệu	100.886.365	100.886.365
2	Hàng hóa	45.642.948.363	45.899.738.799
	Tổng cộng	45.743.834.728	46.000.625.164

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

Do đặc trưng trong lĩnh vực kinh doanh hàng nông sản là theo thời vụ. Vì thế, tại thời điểm cuối năm, Công ty tập trung thu mua hàng để phục vụ cho các hợp đồng giao hàng đầu năm tới. Do đó, giá trị hàng tồn kho cuối năm thường cao, tuy nhiên do giá trị hàng tồn kho tại thời điểm này không thấp hơn giá trị sổ sách nên công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

11.1.8 Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 24: Các khoản phải thu

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
1	Phải thu của khách hàng	4.218.128.121	94.837.665.875
2	Trả trước cho người bán	295.389.522	15.570.091.906
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(1.545.246.200)
	Tổng cộng	4.513.517.643	108.862.511.581

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

Giá trị các khoản phải thu tại 31/12/2014 là hơn 108 tỷ đồng, tăng mạnh so với thời điểm 31/12/2013 là do năm 2014 Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, mở rộng thị phần trong nước. Trong đó, chủ yếu là khoản phải thu của khách hàng, chiếm 87,12% các khoản phải thu. Do Công ty thực hiện một số hợp đồng vào cuối năm 2014 nên thời hạn thanh toán kéo dài sang năm 2015 dẫn tới phải thu khách hàng tăng cao. Các khách hàng của công ty chủ yếu là khách hàng có giao dịch thường xuyên và công nợ của các khách hàng này được luân chuyển liên tục. Đối với các khoản phải thu quá hạn theo quy định thanh toán của Hợp đồng, Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định.

Bảng 25: Các khoản phải trả

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
1	Vay và nợ ngắn hạn	48.663.591.150	63.139.199.940

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
2	Phải trả cho người bán	389.463.380	12.413.650.421
3	Người mua trả tiền trước	7.661.926.520	4.821.013
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.004.087.794	6.545.376.329
5	Chi phí phải trả	–	–
6	Quỹ khen thưởng phúc lợi	–	–
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.013.475	7.588.400
8	Vay và nợ dài hạn	4.390.738.745	9.768.011.917
	Tổng cộng	62.119.821.064	91.878.648.020

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

Nhìn chung, tình hình Nợ phải trả của HKB có sự gia tăng trong năm 2014, và tăng đều ở cả hai khoản mục Nợ ngắn hạn; Nợ dài hạn với mức tỷ lệ tăng tương đối cao, chủ yếu là vay nợ ngắn hạn và dài hạn nhằm tăng cường quy mô và sự ổn định của nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh.

11.1.9 Đầu tư tài chính

Bảng 26: Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
1	Đầu tư ngắn hạn	–	–
2	Đầu tư dài hạn	–	24.000.000.000
	TỔNG		24.000.000.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc năm giữ 1.200.000 cổ phiếu của CTCP Nông nghiệp Lumex Việt Nam, tương đương 15% cổ phần của công ty này.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 27: Chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
• Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,54	2,16
• Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,74	1,60

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
• Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,31	0,53
• Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,57	0,35
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
• Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK bình quân)	Vòng	7,65	8,45
• Vòng quay tổng tài sản (DTT/TTS bình quân)	Vòng	3,70	2,42
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
• Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,69%	4,18%
• Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	7,49%	17,17%
• Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,55%	10,14%
• Tỷ suất lợi nhuận HĐSXKD/ Doanh thu thuần	%	0,97%	5,41%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

12.1 Danh sách

12.1.1 Danh sách Hội đồng quản trị

Bảng 28: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ
1	Ông Dương Quang Lư	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.700.000
2	Ông Nguyễn Đường Tăng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.000.000
3	Ông Nguyễn Trọng Dũng	Thành viên HĐQT	10.000
4	Bà Đỗ Thị Thanh Hiền	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	10.000
5	Bà Trương Thị Hoàng Lan	Thành viên HĐQT	-

Nguồn: CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

12.1.2 Danh sách Ban Kiểm soát

Bảng 29: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Thị Dung	Trưởng Ban Kiểm soát	10.000
2	Nguyễn Thị Huyền	T.viên Ban Kiểm soát	10.000
3	Trần Thị Sương	T.viên Ban Kiểm soát	10.000

Nguồn: CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

12.1.3 Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Bảng 30: Danh sách Ban Tổng Giám đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ
1	Dương Quang Lư	Tổng giám đốc	3.700.000
2	Nguyễn Đường Tăng	Phó Tổng giám đốc	1.000.000
3	Đỗ Thị Thanh Hiền	Phó Tổng giám đốc	10.000
4	Dương Đức Ngọc	Phó Tổng giám đốc	10.000

Nguồn: CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

12.2 Sơ yếu lý lịch**12.2.1 Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị****Ông Dương Quang Lư: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Họ và tên	:	Dương Quang Lư
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	28/7/1973
Quê quán	:	Chi Đông – Tân Chi – Tiên Du – Bắc Ninh
Số CMND	:	013339501 do CA TP Hà nội cấp ngày 28/09/2010
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Nhà 905 CT 1-2 khu đô thị Mỹ Đình Hạ – Mỹ Trì – Nam Từ Liêm – Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
- Từ 1995 đến 2006	:	Phó trưởng Ban Kinh tế Tổng Cty Lương Thực Miền Bắc
- Từ 2006 đến 2009	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Lương thực Hà Bắc
- Từ 2009 đến nay	:	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Thực phẩm Hà Nội- Kinh Bắc
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	3.700.000 cổ phần
Trong đó:	:	
Sở hữu cá nhân	:	3.700.000 cổ phần
Sở đại diện	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC

Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không có
-------------------------------------	---	----------

Ông Nguyễn Đường Tăng: Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	:	Nguyễn Đường Tăng
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	04/09/1974
Quê quán	:	Đức Thanh – Đức Thọ - Hà Tĩnh
Số CMND	:	013413638 do CA TP Hà Nội cấp ngày 23/04/2011
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	BT3-B10 khu đô thị Mỹ Đình II – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Điện và Điện tử
Quá trình công tác	:	
- Từ 1996 đến 2000	:	Nhân viên Nhà máy Thiết bị bưu điện
- Từ 2000 đến 2003	:	Nhân viên Viện nghiên cứu ứng dụng công nghệ - Bộ khoa học công nghệ
- Từ 2003 đến 2006	:	Phó giám đốc Công ty Techpro
- Từ 2006 đến 2010	:	Trưởng phòng Công ty Tân Thành
- Từ 2012 đến tháng 01/2015	:	Giám đốc Công ty cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam
- Từ 2010 đến nay	:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh bắc
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	1.000.000 cổ phần
Trong đó:	:	
Sở hữu cá nhân	:	1.000.000 cổ phần
Sở đại diện	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC

Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không

Ông Nguyễn Trọng Dũng: Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	:	Nguyễn Trọng Dũng
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	28/11/1989
Quê quán	:	Chi Đông - Tân Chi – Tiên Du – Bắc Ninh
Số CMND	:	125307641 do CA tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 30/09/2014
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Chi Đông - Tân Chi – Tiên Du – Bắc Ninh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
- Từ 2010 tới nay	:	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Nông nghiệp và thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	10.000 cổ phần
Trong đó:		
Sở hữu cá nhân	:	10.000 cổ phần
Sở đại diện	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không

Bà Đỗ Thị Thanh Hiền: Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	:	Đỗ Thị Thanh Hiền
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	:	14/07/1974
Quê quán	:	Phố Bình Hòa – P. Ninh Khánh – TP. Ninh Bình – Tỉnh Ninh Bình
Số CMND	:	017390625 do CATP Hà nội cấp ngày 28/07/2012
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Chi Đồng - Tân Chi – Tiên Du – Bắc Ninh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
- Từ 1997 – 2011	:	Nhân viên XNK tại Công ty CP Thương mại & Tạp phẩm Sài Gòn
- Từ 2011 tới nay	:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Nông nghiệp và thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	10.000 cổ phần
Trong đó:	:	
Sở hữu cá nhân	:	10.000 cổ phần
Sở đại diện	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC**Bà Trương Thị Hoàng Lan: Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên	:	Trương Thị Hoàng Lan
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	:	10/09/1978
Quê quán	:	Hà Nội
Số CMND	:	011800955 do CA TP Hà Nội cấp ngày 27/10/2004
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Số 5,30/30 Tạ Quang Bửu, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:	
- Từ 2004 đến 2007	:	Giám đốc tài chính Công ty Đất Việt Nam
- Từ 2007 đến 2011	:	Tổng giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán Việt Tín
- Từ 2011 đến nay	:	Giám đốc Trung tâm Đầu tư Ngân hàng TMCP Tiên Phong
- Từ 2014 đến nay	:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Giám đốc Trung tâm Đầu tư Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	0 cổ phần
Trong đó:	:	
Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần
Sở đại diện	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không

12.2.2 Sơ yếu lý lịch Ban Kiểm soát**Bà Nguyễn Thị Dung: Trưởng Ban Kiểm soát**

Họ và tên	:	Nguyễn Thị Dung
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	:	25/03/1977
Quê quán	:	Ninh Giang - Hải Dương
Số CMND	:	141891879 do CA tỉnh Hải Dương cấp ngày 06/12/2004
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Số 289 khu 3 Thị trấn Ninh Giang - huyện Ninh Giang - Hải Dương
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:	
- Từ 2003 đến 2004	:	Kế toán Công ty TNHH Đại Nam
- Từ 2005 đến 2010	:	Kế toán trưởng Công ty CP Nông sản Đất Việt
- Từ 2011 đến nay	:	Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	10.000 cổ phần
Trong đó:	:	
Sở hữu cá nhân	:	10.000 cổ phần
Sở đại diện	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không có

Bà Nguyễn Thị Huyền: Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	:	Nguyễn Thị Huyền
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	:	20/01/1991
Quê quán	:	Tân Chi – Tiên Du - Bắc Ninh
Số CMND	:	125426395 do CA tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 27/12/2007
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	P504, Khu đô thị Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cao đẳng Kế toán
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 12/2012 tới nay	:	Kế toán viên CTCP Nông nghiệp Lumex Việt Nam
- Từ tháng 1/2014 tới nay	:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Kế toán viên Công ty cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	10.000 cổ phần
Trong đó:	:	
Sở hữu cá nhân	:	10.000 cổ phần
Sở đại diện	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	
Tên người có liên quan	:	Nguyễn Văn Cường
Mối quan hệ	:	Anh trai
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ	:	50.000 cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC**Bà Trần Thị Sương: Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên	:	Trần Thị Sương
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	:	02/07/1992
Quê quán	:	Đức Thanh – Đức Thọ - Hà Tĩnh
Số CMND	:	183781902 do CA tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 11/06/2007
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Đức Thanh – Đức Thọ - Hà Tĩnh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:	
- Tháng 1/2014 đến nay	:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nông nghiệp và thực phẩm Hà Nội-Kinh Bắc
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên Ban kiểm
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	10.000 cổ phần
Trong đó:		
Sở hữu cá nhân	:	10.000 cổ phần
Sở đại diện	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không có
Tên người có liên quan	:	Trần Thị Thắm
Mối quan hệ	:	Chị gái
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ	:	100 cổ phần

12.2.3 Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc**Ông Dương Quang Lư: Tổng giám đốc.** Xem Sơ yếu lý lịch tại mục Hội đồng quản trị.**Ông Nguyễn Đường Tăng: Phó Tổng Giám Đốc.** Xem Sơ yếu lý lịch tại mục Hội đồng quản trị.**Bà Đỗ Thị Thanh Hiền: Phó Tổng Giám đốc.** Xem Sơ yếu lý lịch tại mục Hội đồng quản trị.**Ông Dương Đức Ngọc: Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên	:	Dương Đức Ngọc
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	20/07/1980
Quê quán	:	Hà Nội
Số CMND	:	013191065 do CA TP Hà Nội cấp ngày 27/05/2009
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	ngõ 1- ngách 1/10 nhà số 8 phố Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 6/2008 – 6/2010	:	Ernst & Young Vietnam
- Từ tháng 6/2010 – 6/2013	:	Quản lý tín dụng doanh nghiệp Ngân hàng ANZ
- Từ tháng 6/2013 – 1/2014	:	CFO và trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Ocean
- Từ tháng 1/2014 - nay	:	Phụ trách khối Doanh nghiệp lớn Ngân hàng Việt Á
- Từ tháng 1/2015 - nay	:	Phó Tổng giám đốc CTCP Nông nghiệp và thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Phó Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Phụ trách khối Doanh nghiệp lớn Ngân hàng Việt Á
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	10.000 cổ phần
Trong đó:		
Sở hữu cá nhân	:	10.000 cổ phần
Sở đại diện	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không
-------------------------------------	---	-------

12.2.4 Sơ yếu lý lịch Kế toán trưởng**Bà Hoàng Thị Minh Hạnh: Kế toán trưởng**

Họ và tên	:	Hoàng Thị Minh Hạnh
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	:	20/10/1977
Nơi sinh	:	Quảng Ninh
Số CMND	:	013545683 do CA TP Hà nội cấp ngày 02/06/2012
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Số nhà 15, ngách 44/291 Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
- Từ 1/2000 đến 12/2007	:	Kế toán trưởng chi nhánh Công ty CP Cung ứng tàu biển Quảng Ninh
- Từ 9/2008 đến 11/2010	:	Kiểm toán nội bộ Công ty CP Chứng khoán Woori CBV
- Từ 11/2010 đến 2/2014	:	Phó phòng dịch vụ khách hàng Công ty CP chứng khoán Trí Việt
- Từ 5/2014 đến nay	:	Kế toán trưởng CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	10.000 cổ phần
Trong đó:	:	
Sở hữu cá nhân	:	10.000 cổ phần
Sở đại diện	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không

13. TÀI SẢN

Bảng 31: Tình hình tài sản cố định chính của Công ty

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013		31/12/2014		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL
I	Tài sản hữu hình	19.462.812.031	18.728.858.720	39.700.352.034	36.713.831.064	92,48
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	10.978.197.403	10.789.137.485	26.086.778.251	24.494.794.508	93,89
2	Máy móc thiết bị	6.236.982.414	6.058.272.521	12.910.513.970	11.934.988.119	92,40
3	Phương tiện vận tải	703.059.813	401.225.077	703.059.813	284.048.437	40,40
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	1.544.572.401	1.480.223.637	–	–	0
II	Tài sản vô hình	–	–	7.148.000.000	7.148.000.000	100
1	Quyền sử dụng đất (*)			7.148.000.000	7.148.000.000	100
	Tổng cộng	19.462.812.031	18.728.858.720	46.848.350.034	43.861.831.064	93,60

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

(*) Trong năm 2014, Công ty nhận vốn góp bằng tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài với tổng trị giá là 7.148.000.000 đồng.

Bảng 32: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	31/12/2013	31/12/2014
1	Dây chuyền sản xuất tiêu đang lắp đặt	-	3.736.876.000
2	Nhà máy chế biến nông sản Gia Lai	514.846.727	514.846.727
3	Nhà máy chế biến nông sản Quy Nhơn – Bình Định	-	13.130.190.646
	Tổng cộng	514.846.727	17.381.913.373

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

14. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NĂM 2015

Bảng 33: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2015

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2015	
		Giá trị	Tỷ lệ so với năm 2014
1	Vốn điều lệ	200.000.000	27,21%
2	Doanh thu thuần	1.600.000.000	251,57%
3	Lợi nhuận sau thuế	60.840.000	219,44%
4	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,80%	-
5	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	34,06%	-
6	Tỷ lệ cổ tức (%)	15%	-

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty

14.1 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Với việc tăng vốn mạnh trong các năm qua đã làm tăng quy mô và năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty, vì vậy, ĐHCĐ thường niên năm 2015 của Công ty đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2015, có sự tăng trưởng mạnh so với năm 2014.

Chi tiết kế hoạch doanh thu năm 2015 như sau:

Bảng 34: Phương án sản xuất kinh doanh năm 2015 cho các sản phẩm

Tên hàng	Sản lượng (tấn)	Đơn giá (nghìn VND/tấn)	Trị giá (tỷ VND)
1. Hạt tiêu chế biến xuất khẩu	3.000	160.000	480
2. Sản lát:			
Nguyên liệu sản xuất cồn	210.000	4.500	945
Sản xuất thức ăn chăn nuôi	9.000	4.500	40
3. Ngô và các sản phẩm khác	17.000	5.000	85
4. Lương thực - Gạo (xuất khẩu và nội địa)	5.000	10.000	50
Tổng	244.000		1.600

Nguồn: CT CP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

Với mặt hàng Hồ tiêu, Dự án Nhà máy chế biến tiêu sạch xuất khẩu đi vào hoạt động giúp cho Hakinvest không chỉ tăng trưởng về chiều rộng, mà còn cả về chiều sâu về khối lượng và chất lượng xuất khẩu. Giai đoạn 1, Nhà máy vận hành vào Quý 1/2015 với công suất ban đầu có thể cung cấp

sản lượng tiêu xuất khẩu vào khoảng 3.500 tấn – 4.000 tấn. Bên cạnh đó, so sánh với mặt bằng giá năm 2014, biên lợi nhuận gộp với mỗi tấn sản phẩm tiêu sạch xuất khẩu ASTA cao hơn so với biên lợi nhuận gộp mỗi tấn sản phẩm tiêu xuất khẩu FAQ thông thường gần 3%. Các yếu tố trên giúp Doanh thu và Lợi nhuận của sản phẩm tiêu sẽ tăng trưởng mạnh so với năm 2014. Cuối năm 2014 và 2 tháng đầu năm 2015 công ty đã ký 3 hợp đồng xuất khẩu hồ tiêu với các khách hàng nước ngoài, doanh thu dự kiến từ 3 hợp đồng này đạt gần 109 tỷ đồng.

Với mặt hàng sắn lát, trong quý IV 2014, Công ty đã ký 3 Hợp đồng xuất khẩu với 2 doanh nghiệp Trung Quốc và 1 doanh nghiệp Thụy Sĩ. Với 3 hợp đồng này, doanh thu từ sắn của Công ty trong 2015 hoàn toàn có thể đạt được 1.450 tỷ VND.

Với mặt hàng ngô và các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi khác, Nhà máy chế biến nông sản Hà Nội – Kinh Bắc Quy Nhơn đi vào hoạt động giúp Công ty tăng sản lượng và doanh số với các đơn hàng cung cấp cho các Nhà máy thức ăn chăn nuôi cùng địa bàn.

Với mặt hàng gạo, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động như các năm trước nên kế hoạch doanh thu 70 tỷ hoàn toàn khả thi.

Với năng lực hiện tại, Công ty hoàn toàn tin tưởng việc hoàn thành kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận mà ĐHCĐ thường niên năm 2015 đã thông qua.

Các dự án đã và đang được Công ty thực hiện

1. Nhà máy chế biến tiêu sạch xuất khẩu Gia Lai

Đánh giá hồ tiêu là mặt hàng nông sản xuất khẩu có lợi thế nhất của Việt Nam, Công ty lựa chọn tiêu là ngành hàng kinh doanh và xuất khẩu chủ lực và tập trung đầu tư chế biến sâu cho mặt hàng này. Lộ trình đầu tư Dự án dự kiến như sau:

Năm 2014: Đầu tư lắp đặt 01 dây chuyền chế biến tiêu xuất khẩu tại Gia Lai với sản lượng chế biến ban đầu 10.000 tấn/năm cho sản phẩm tiêu sạch ASTA 500g/l, 550g/l và 600 g/l. Từ tháng 2/2015 hệ thống dây chuyền này đã bắt đầu đi vào hoạt động.

Năm 2015 – 2016: Đầu tư mở rộng nâng công suất và công nghệ chế biến sâu dây chuyền chế biến tiêu sạch, tiêu tiết trùng ASTA+ và hạt tiêu sọ với công suất 10.000 tấn/năm.

2. Nhà máy chế biến nông sản Hà Nội – Kinh Bắc Quy Nhơn

Nhà máy này thực hiện các chức năng là thu mua sắn lát xuất khẩu, Chế biến nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi và chế biến gạo.

Nhận thức được tiềm năng thị trường cho các sản phẩm của Công ty còn rất lớn, Hakinvest đẩy mạnh đầu tư xây dựng chuỗi cơ sở vật chất cần thiết cho hoạt động kinh doanh như hệ thống kho tàng, dây chuyền chế biến và đóng gói sản phẩm. Công ty đã tiến hành đầu tư Dự án Nhà máy chế biến nông sản Hà Nội – Kinh Bắc Quy Nhơn (Hakinvest Quy Nhơn) tại Khu công nghiệp Nhơn Hòa – Quy Nhơn với các hạng mục:

- 03 tổng kho diện tích 12.240 m²: sức chứa 30.000 tấn nông sản;
- 02 hệ thống sấy công nghiệp công suất 40.000 tấn/năm;
- 01 dây chuyền chế biến gạo công suất 40.000 tấn/năm.

14.2 Định hướng phát triển chiến lược của Công ty

Tuân thủ pháp luật:

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các Quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

Quản lý, công tác tổ chức:

1. Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình CTCP, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBCNV, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.
2. Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

Tài chính:

1. Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán.
2. Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.
3. Tiến hành liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để nghiên cứu các sản phẩm và dịch vụ mới.

Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong các năm tới, công ty sẽ đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể như:

1. Tiến hành đổi mới nâng cấp công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất, quản lý hiện đại để tận thu nguồn nguyên liệu, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm.
2. Tăng cường liên kết với các tổ chức tài chính, các tổ chức ngân hàng để tăng nguồn vốn khi cần thiết.
3. Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện mới/hội nhập.
4. Phát triển nguồn nhân lực:
 - a. Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.
 - b. Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để

15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Là một tổ chức chuyên nghiệp, MSBS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của HKB.

Trên cơ sở thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của HKB, MSBS cho rằng kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của HKB dự kiến là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán chắc chắn của các số

liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiền năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của HKB.

16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

Không có

17. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. LOẠI CHỨNG KHOÁN : Cổ phiếu phổ thông

2. MỆNH GIÁ : 10.000 đồng/cổ phần

3. MÃ CHỨNG KHOÁN : HKB

4. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: 20.000.000 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết: 200.000.000.000 đồng

5. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HOẶC CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 53 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty là 4.770.000 cổ phiếu chiếm 23,85% vốn điều lệ.

Bảng 35: Danh sách và lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng

STT	Họ và tên	Chức danh	SLCP	SLCP cam kết nắm giữ 100% trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ 50% trong 6 tháng tiếp theo
1.	Ông Dương Quang Lữ	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	3.700.000	3.700.000	1.850.000
2.	Ông Nguyễn Đường Tăng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	1.000.000	1.000.000	500.000
3.	Ông Nguyễn Trọng Dũng	Thành viên HĐQT	10.000	10.000	5.000
4.	Bà Đỗ Thị Thanh Hiền	Thành viên HĐQT kiêm phó TGD	10.000	10.000	5.000
5.	Bà Trương Thị Hoàng Lan	Thành viên HĐQT	0	0	0
6.	Bà Nguyễn Thị Dung	Trưởng Ban kiểm soát	10.000	10.000	5.000
7.	Bà Trần Thị Sương	Thành viên ban kiểm soát	10.000	10.000	5.000

STT	Họ và tên	Chức danh	SLCP	SLCP cam kết năm giữ 100% trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết năm giữ 50% trong 6 tháng tiếp theo
8.	Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên ban kiểm soát	10.000	10.000	5.000
9.	Ông Dương Đức Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	10.000	10.000	5.000
10.	Bà Hoàng Thị Minh Hạnh	Kế toán trưởng	10.000	10.000	5.000
Tổng Cộng			4.770.000	4.770.000	2.385.000

Nguồn: CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

6. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

6.1 Tính giá

6.1.1 Giá trị sổ sách

Căn cứ theo báo cáo tài chính kiểm toán 2014 của Công ty, giá trị sổ sách cổ phiếu của HKB được tính như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách (BV)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Bảng 36: Giá trị sổ sách của Công ty

TT	Chỉ tiêu	Giá 01 cổ phiếu
1	Giá trị sổ sách tại 31/12/2014	11.087
2	Giá trị sổ sách tại 31/12/2013	10.564

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

6.1.2 Phương pháp định giá

Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = \text{EPS} * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

P : Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

EPS : Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu

P/E bình quân : là P/E bình quân của các doanh nghiệp trong ngành nông nghiệp được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành nông nghiệp mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

P : Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)

BVS : Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu

P/B bình quân : là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành nông nghiệp mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức (DDM)

Theo phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do của chủ sở hữu, giá trị doanh nghiệp được xác định bằng cách hiện tại hoá các luồng tiền tự do mà chủ sở hữu dự kiến thu được trong tương lai (là dòng cổ tức mà chủ sở hữu dự kiến thu được) theo một tỷ lệ chiết khấu tương ứng với mức độ rủi ro mà chủ sở hữu phải gánh chịu.

Nguyên lý xác định giá dựa trên công thức chiết khấu dòng tiền như sau:

$$\text{Giá trị vốn chủ sở hữu} = \sum_{i=1 \rightarrow n} \frac{D_i}{(1+K)^i} + \frac{P_n}{(1+K)^n}$$

D_i : Cổ tức năm thứ i

P_n : Giá trị hiện tại của vốn chủ sở hữu năm thứ n

i : Thứ tự các năm kế tiếp kể từ năm xác định giá trị doanh nghiệp

n : Số năm tương lai được lựa chọn (n=5)

P_n : Giá trị vốn chủ sở hữu năm thứ n

$$P_n = \frac{D_{n+1}}{K - g}$$

g : Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm của cổ tức, được xác định bằng tích của tỷ lệ lợi nhuận sau thuế để lại để bổ sung vốn.

6.2 Giá dự kiến chào sàn

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu HKB sẽ do Hội đồng quản trị Công ty CP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của Pháp luật tại thời điểm niêm yết.

7. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẴM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 15/04/2009 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì áp dụng theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp tỷ lệ sở hữu bên nước ngoài được phân loại theo danh mục các ngành nghề cụ thể thì áp dụng theo danh mục phân loại theo danh mục các ngành nghề cụ thể thì áp dụng theo danh mục phân loại. Như vậy nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% vốn điều lệ của Công ty.

Tại ngày 11/2/2015, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0% (tương đương 0 cổ phần).

8. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

CTCP Nông nghiệp và thực phẩm Hà nội Kinh Bắc đang đóng các loại thuế theo luật định như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, thuế sử dụng đất, thuế xuất nhập khẩu, thuế môn bài. Cụ thể:

Bảng 37: Các loại thuế phải nộp

Loại thuế	Mức thuế suất mỗi năm
Thuế GTGT	0 %
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22%
Thuế tài nguyên	7%
Phí bảo vệ môi trường	1.000 đồng/ m3
Thuế sử dụng đất	0,03%
Thuế xuất nhập khẩu	10%
Thuế môn bài	3.000.000 đồng

Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà nội – Kinh Bắc

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME BANK (MSBS)

Địa chỉ : Tầng 1, tầng 3, tòa nhà Sky city, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 84-64) 3776 5929 Fax: (84-64) 3776 5928

Website : www.msbs.com.vn



TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT

Địa chỉ : Phòng 1501, Nhà 17T5, Khu Đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính - đường Hoàng Đạo Thúy, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 2221 0082| Fax: (84.4) 2221 0084

Website : www.aat.com.vn

VII. PHỤ LỤC

CÁC HỒ SƠ KÈM THEO

- ❖ Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- ❖ Bản sao hợp lệ Điều lệ;
- ❖ Báo cáo tài chính kiểm toán 2014;
- ❖ Các tài liệu khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 201

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC

DƯƠNG QUANG LƯ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày tháng năm 201

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIMEBANK

TỔNG GIÁM ĐỐC

MẠC QUANG HUY

